

# LƯỢC SỔ KINH CHÚ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC TU-ĐA-LA LIÊU NGHĨA

## QUYỂN HẠ (Phần 1)

Thứ đến nghiên cứu sâu, cội gốc luân hồi, nghĩa là cùng tột xoay vần cội nguồn. Suy ra chủng tánh khác nhau của nó, trong đó vẫn có bốn: ban đầu có ba, đây là phần đầu:

### **1. Bồ-tát Di-lặc đảnh lễ Phật, thưa hỏi pháp:**

- Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên.

### **2. Chính thức trình bày cú văn có hai:**

a) Chúc mừng trước:

Đại bi Thế Tôn, xin rộng vì Bồ-tát mở bày mở kho bí mật, giúp các đại chúng ngộ sâu luân hồi, nhờ các ví dụ như thuyền đi mà thấy bờ chạy... mà ngộ được chân theo vọng chuyển, phân biệt tà chính, có thể bố thí cho tất cả chúng sinh đời mạt pháp không sợ quyết định đạo nhân tuệ nhãn, đủ cả chân tục, đối đại Niết-bàn sinh tâm quyết định tin, không bao giờ tin khác. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Diệu tín thường trú tất cả vọng tưởng dứt hết không còn.

Không còn tùy cảnh giới luân chuyển, khởi kiến chấp tuần hoàn, không chấp thuyền đi thấy bờ chạy...

b) Thỉnh sau văn có hai:

b.1) Nêu pháp hỏi.

b.2) Kết thúc lợi ích thưa thỉnh.

- Trong phần đầu có hai:

+ Hỏi về cắt đứt luân hồi.

+ Muốn được Niết-bàn làm sao cắt đứt gốc luân hồi:

Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, muốn đến chỗ đại vắng lặng của Như lai đại Bát-Niết-bàn. Biển: đầy đủ ba

đức, lập ra nghĩa lớn, thể sâu dụng rộng cho nên như biển.

Làm sao để cắt đứt cội gốc luân hồi, nhân chương trước nói: Trước là cắt đứt cội gốc luân hồi từ vô thủy, cho nên nay hỏi phương pháp cắt đứt.

Đối với các luân hồi, trước nói các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, cho nên ở đây nói các.

Có bao nhiêu chủng tánh, tất cả đều là sự luân hồi, chưa xét kỹ có bao nhiêu chủng tánh.

- Hỏi về tu bi trí:

### **3. Tu pháp Phật có bao nhiêu thứ?**

Tu pháp Bồ-đề của Phật có bao nhiêu thứ khác nhau, pháp môn vô biên thế nguyện học, tức là từ giả không vào thành đại trí, trở lại trần lao, sẽ lập ra bao nhiêu phương tiện giáo hóa độ các chúng sinh. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, tức là từ không vào giả, thành đại bi, hoặc bệnh đã nhiều, thuốc hay chẳng phải một. Nếu không có phương tiện ít nước nóng thêm băng, sợ rơi vào ái kiến đại bi cho nên phải hỏi.

- Kết thúc lợi ích thừa thỉnh.

### **4. Thỉnh Phật thương xót cứu giúp:**

Cúi mong đại bi không bỏ cứu, giúp thế gian, những người tu hành, tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, mất trí tuệ có khả năng soi chiếu.

Yên tĩnh lặng trong duyên trần không lẫn lộn, chiếu sáng gương tâm tức là sở chiếu. Lòng sạch như gương, bài kệ của Lục Tổ nói: tâm như gương sáng sạch, thân như đài gương sáng, viên ngộ tri kiến vô thượng, không năng không sở, tự tại tròn sáng của Như lai, tức là đồng với Pháp Hoa, cả hai mở bày Bồ-đề Niết-bàn là nghĩa vô thượng. Sau đây xưng ba lần phổng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi Như lai nghĩa mâu nhiệm, bí mật sâu kín, luân hồi vốn thanh tịnh, không có chủng loại khác nhau, khiến các Bồ-tát mất trí tuệ trong sáng và khiến tất cả các chúng sinh đời mạt pháp, dứt hẳn luân hồi, tâm ngộ thật tướng, có vô sinh nhãn, chân tánh không sinh, xưa nay thanh tịnh. Chúng sinh chưa ngộ, tâm vọng thấy sinh, sinh thì phải diệt, cho nên luân hồi. Nay ngộ thật tướng, rõ tâm vô sinh, tâm đã không sinh luân hồi dứt hẳn, nhân như thế gọi vô sinh nhãn, trên đều khen ngợi.

### **5. Phật hứa khả nói pháp:**

Bây giờ, ông hãy lắng nghe, sẽ nói cho ông. Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc vâng lời dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe. Dưới đây chính thức nói Văn xuôi, trong đó có hai:

1. Trả lời cắt đứt luân hồi.
2. Trả lời tu bi trí, trong phần trước có hai:
  - a) Tìm gốc ngọn dạy chặt bỏ.
  - b) Nói về chủng tánh cho biết, trong phần đầu có hai:
    - Chỉ bày sở đoạn.
    - Khuyên dạy dứt bỏ. Trong phần đầu có bốn:
      - + Chỉ ra ái là gốc.
      - + Muốn giúp thành nhân.
      - + Xoay vần nương nhau.
      - + Khởi các nghiệp báo, trong phần đầu có hai:
- Y theo tham dục để nêu lên, chỉ ra:

**6. Do có ân ái tham nên chúng sanh bị luân hồi:**

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ đời vô thủy, do có các ân ái tham dục nên có luân hồi, nghĩa là đối năm dục sở tham, nêu chỉ ra ái của năng tham là gốc luân hồi. Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: ái chảy thành hạt giống lãnh nạp tướng thành thai, giao cấu phát sinh hấp dẫn đồng nghiệp, do nhân duyên ấy nên có sinh tử. Lại kinh Niết-bàn chép: do ái sinh lo, do ái sinh sợ, nếu lìa tham ái, lo gì sợ gì? Lại nữa, kinh Phật Danh chép: có ái thời sinh, ái hết thời diệt, cho nên biết sinh tử tham ái là gốc. Trước dạy dứt bỏ: như cây chặt gốc... là do năm dục dẫn khởi tâm ái, làm cho chúng sinh sinh tử không dứt. Nói chúng chủng: hoặc ân thuộc trời như cha mẹ..., hoặc ân cảm của việc như được ân huệ nhỏ nhỏ... hoặc nhậm vận sinh ái, tức là tự thân và danh, lợi, sắc, vị, lục thân... hoặc do cung kính thành ái, do ân thành ái, hoặc do ái hết ân, ân và ái ứng thành bốn câu. nghĩa là ân chẳng phải ái... Lại nữa, cảnh sở tham các thứ rất nhiều, nên ái (yêu) của năng tham không phải một, nhưng tham và ái cũng có bốn câu. Nghĩa là tham chẳng phải ái... nếu đối trị phân biệt với cảnh thì có thuận có trái, nếu y theo tâm phân biệt luống đối thì đều là lỗi lầm. Lại nữa, chỉ y theo ái lại có ba.

1. Thích cái xấu, nghĩa là cầm hoang, sắc hoang và danh lợi...
2. Yêu cái đẹp: nghĩa là tham dẫn đến quả báo thực hành thí, giữ giới,...
3. Pháp ái: Ưa thích danh nghĩa và tham quả Thánh mà tu hành... nên sau đây nói: pháp ái không còn trong lòng, lần lần có thể thành tựu, thân ta vốn không có, yêu ghét từ đâu sinh. Sau y theo thọ sinh để kết

định.

### **7. Nói về bốn cách sanh:**

Nếu tất cả chủng tánh ở các thế giới: sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh chỗ ẩm ướt, hóa sinh đều do dâm dục mà có tánh mạng, nên biết luân hồi thì ái là gốc, bốn loại sinh như noãn sinh... thọ sinh khác nhau. Vì thế Du-già giải thích chúng sinh rằng: tư nghiệp là nhân, vô, thai, thấp nhiễm làm duyên, năm uẩn mới khởi là sinh, nếu phối hợp bốn sinh với sáu đường thì trời và địa ngục là hóa sinh, quỷ có thai có hóa, nghĩa là quỷ con và địa hành la-sát là thai, ngoài ra đều hóa sinh, người và súc sinh mỗi đường có bốn, người đủ bốn là mẹ Tỳ-xá-khư sinh trứng ba mươi hai con, thai là người thường, thấp là nài nữ, hóa là kiếp sợ. Súc đủ bốn thứ: Kim-sí điểu (chim cánh vàng) và rồng, thú khác đều có thai, các loài chim đều sinh bằng trứng. Nhưng đi trên đất bay trên không hoặc đường thủy, hoặc đường bộ, các loài nhỏ nhiễm hoặc noãn thai (bằng trứng, bằng thai), hoặc loài ẩm ướt, hoặc hóa sinh. Không thể đủ phần phẩm loại, đều do dâm dục mà có tánh mạng.

### **8. Nguyên nhân luân hồi của chúng sanh:**

1. Dâm: nghĩa là đắm nhiễm ái trước, nhưng là tình nhiễm đều được gọi là dâm. Dù cho hóa sinh cũng nương vào nhiễm nghiệp, chỉ y theo nặng nhẹ của cõi Dục: Luận Câu-xá chép: sáu thọ dục là giao hợp, ôm nhau, cầm tay, cười, nhìn nhau là dâm, người ở bốn châu cùng thế giới của Tứ vương. Ngoài ra các loại khác noãn thấp thai hình, nhiễm tâm khí truyền khó phân tích đủ, được tánh bẩm mạng, đều có lý do? tánh mạng đã do dâm, dâm lại do ái, nên nói ái là cội gốc.

2. Dục giúp thành nhân, do có các ham muốn nên giúp sinh tánh ái, tâm tức là hạt giống của ái, cho nên làm cho sinh tử nối nhau, do ham muốn ngoại trần dẫn ra tâm ái, cũng do tâm ái tham đắm nơi ham muốn, tham muốn nên gây ra nghiệp, gây ra nghiệp nên chịu báo, do sinh tử này không dứt, nên Triệu luận chép: chúng sinh sở dĩ bị trôi lăn lâu dài: đều do tham dục. Nếu ham muốn dừng ở tâm, thì không còn sinh tử, tiềm thân huyền mặc hợp với đức của hư không, ấy gọi Niết-bàn.

3. Xoay vần nương tựa.

Dục do ái sinh, mạng do dục mà có, chúng sinh ái mạng, lại nương dục làm gốc. Ái dục là nhân, ái mạng là quả, dục nghĩa là tham dục, mạng nghĩa là thân mạng, không có ái dục thì không sinh, không ham muốn thân thì không có, nên biết dục do ái mà có, thân do dục mà sinh, đã có thân này thì lại sinh ra ái, do ái thân nên lại làm nhân của Dục, lại cảm quả báo sinh tử đời vị lai, lần lượt như thế, nối nhau không cùng.

4. Khởi các nghiệp báo trong văn có hai.

a) Giải thích riêng.

b) Kết thúc chung,

- Trong phần giải thích riêng có ba.

- Khổ báo của nghiệp ác.

**9. Cảnh thuận và không thuận đối với tâm dục:**

Do cảnh dục mà sinh khởi các trái ý không vừa lòng, thuận cảnh vừa ý, trái với tâm ưa thích mà sinh chán ghét, tạo ra các nghiệp, do cảnh kia, cảnh không thuận với tâm sinh phiền não, chửi mắng rửa nộ, các thứ nghiệp ác từ đây liền nổi lên, cũng có thể cảnh vừa ý sinh ra mê đắm, dâm, đạo, ăn uống, lẩn cuớp, lời nói thêu dệt, các thứ nghiệp ác, văn lược bỏ. Nói chung chung: mười bất thiện... cho nên lại đọa vào địa ngục, ngạ quỷ: ba ác báo. Không có súc sinh, lấy văn kia nhuận thành câu, do hai ví dụ rất dễ hiểu, cũng có thể do phiên dịch, truyền chép bỏ sót, nghĩa phải hợp với có. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: mười nghiệp đạo bất thiện, bậc Thượng là nhân địa ngục, bậc trung là nhân súc sinh, bậc hạ là nhân ngạ quỷ. Hai là nghiệp lành thì quả báo vui.

**10. Biết tâm ái dục là nhân đường ác:**

Biết dục đáng nhằm chán, biết tâm ái dục là nhân đường ác, đối với cảnh dục kia rất sinh nhằm chán xa lìa. Yêu chán nghiệp đạo, sợ đường ác kia không gây nhân ác, lìa pháp môn ác, rất sinh yêu thích, bỏ ác ưa thiện, do ưa muốn nên làm ác, nay biết ham muốn đáng nhằm chán, bỏ mười điều ác ưa mười việc lành.

Lại hiện trời người: Quả báo vui. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười nghiệp lành là nhân thọ sinh trời người, xếp vào quả báo vui, là nói tương thô. Nếu luận về tám khổ nhân gian, năm suy cõi trời ở địa cư chặt đứt tàn hại xua đuổi, đâu thể khỏi khổ? Khổ ở trong trời, ngạ quỷ, súc sinh, chia ra Tu-la thì thành sáu đường. Ba là nghiệp báo bất động.

Lại biết các ái đáng nhằm chán, nên bỏ ái lạc trở lại làm tươi nhuận gốc ái, biết ưa xấu ưa tốt đều không khỏi khổ, bỏ đi tâm ái ưa tu pháp xả. Pháp xả tức là bốn thiền tám định, mà không biết tâm ưa xả lại đồng với ái kia, cho nên nói trở lại làm tươi nhuận gốc ái.

Liên hiện có làm quả lành tăng thượng, hai cõi trên tốt đẹp là Y báo, Chánh báo, do ở cõi Dục tu được định này, mỗi thứ tùy theo địa của mình mà sinh lên cõi trời.

**11. Kết thúc chung:**

- Kết thúc chung: Đều là luân hồi, ái là cội gốc cho nên đều luân hồi.

Không thành Thánh đạo, trước chỉ cho vô minh, ở đây nêu lên tham ái phát sinh đầy đủ. Nhưng mười nghiệp ác xưa nay phải dứt, mười điều lành, tám định thì chỉ trừ bệnh ấy thứ hai khuyên dứt bỏ, vẫn có ba:

### *1. Chính khuyên.*

Cho nên chúng sinh muốn thoát vòng sinh tử, khỏi các luân hồi thì trước phải thoát khỏi các luân hồi và dứt bỏ khát ái, đã biết sinh tử đều do tham ái thì muốn thoát khỏi sinh tử trước phải dứt hai thứ này. Luận Viễn Công Báo Ứng chép: Các việc phát ra đều do tâm kia, báo ứng phải do ở việc cho nên tự chịu báo, phải xét việc mà việc có thể thay đổi, nêu việc để trách tâm mà tâm có thể ngược lại. Khát: là dụ cho chỗ chí thiết của nó.

*2. Đề phòng chung,* sợ có hỏi vặn rằng: nếu như vậy thì vì sao Bồ-tát cũng có tham ái nên thọ sinh, cho nên ở dưới nói chung.

### **12. Bồ-tát hóa hiện ở thế gian chẳng phải ái là gốc:**

Này người thiện nam! Bồ-tát biến hóa thị hiện ở thế gian, chẳng phải ái là gốc, chỉ vì thương xót khiến kia bỏ ái, mượn các ham muốn mà vào sinh tử, Bồ-tát thị hiện thọ sinh, cội gốc chẳng phải ái, chỉ vì từ bi, làm lợi ích cho người, muốn thực hành giáo hóa, phải hiện thọ sinh, thị hiện đồng với phàm phu, cùng làm việc lợi ích chúng sinh. Nên kinh Tịnh Danh chép: Chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, thị hiện... thương xót sâu sắc, người chẳng có ái thì trí sâu xa.

### *3. Hiện bày rõ lợi ích.*

Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp, xả bỏ các ham muốn và dứt bỏ yêu ghét, dứt hẳn luân hồi, siêng cầu cảnh giới Viên giác của Như lai, với tâm thanh tịnh liền được khai ngộ, trước dứt bỏ được mới siêng cầu được, có ra vàng từ quặng mới làm đồ dùng, vì thế kinh Thủ-lăng-ngiêm chép: Tham dục như thế gọi là quỷ luân, không gọi là đường trời, tướng hữu vô làm sinh khởi tánh luân hồi, hữu và vô cả hai đều không, không hai cũng diệt, đối với Bồ-đề Phật mới có thể mong được.

### **13. Hỏi đáp về tham ái:**

Hỏi: Ở trước chỉ nói tham ái, vì sao đây nói cho đến trừ yêu ghét?

Đáp: Yêu thân yêu cảnh, cảnh trái với tình hoặc thân bị phiền não, nên sinh chán ghét. Chính là biết chán ghét chỉ nói yêu. Cũng do ái vì thế tuy bao gồm ý ghét chỉ nói ưa. Hai là: Làm rõ chủng tánh cho biết, nghĩa là do ở trước nói, đầu cuối động tĩnh, cho đến so lường cảnh Phật đều là luân hồi, vì thế Di-lặc hỏi về chủng tánh ấy, ý nói: Nghe các giáo

chỉ nói luân hồi năm đường, vì sao ở đây hành nhân ba thừa cũng chưa thể tránh khỏi, cho nên Phật nói cho nghe, do vốn do tham đắm hiển ra năm tánh, nên thuộc luân hồi, không do ngộ viên giác thanh tịnh làm bản nhân. Nhưng hành tướng tu chứng trong tánh Bồ-tát, chỉ trừ bệnh ấy không bỏ pháp kia, ngoài ra như số có nói rộng, trong văn có hai:

- Nêu chung nhân nương tựa.

#### **14. Chúng sanh gốc do tham dục:**

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh gốc do tham dục mà, phát huy vô minh, hiển ra năm tánh khác nhau, chán xấu ưa tốt, huân tập giáo pháp ba thừa, chứa nhóm đã sâu nên thành tánh riêng. Kinh Lăng-nghiêm chép: tùy nói kia mà thành, đều gọi giáo huân khởi.

Nương: hai thứ chướng mà hiện cạn sâu, nếu gặp lời dạy của thầy tà, thì đối với ng ngã chấp và pháp ngã rất chấp chặt gọi là sâu. Nếu gặp hàng Nhị thừa người nói lý nhân không, đối pháp tuy chưa lìa ngu, với người đã không chấp chặt, đối trước là cạn, nếu gặp Bồ-tát và Phật thì tướng sâu cạn đối nhau sẽ biết được.

- Giải thích riêng khác nhau... vẫn có hai:

1. Sở y.

2. Chướng.

Thế nào là hai chướng? Y theo luận Khởi Tín giải thích.

Lý chướng ngại chánh tri kiến, là cội gốc vô minh, không thông đạt tánh tướng pháp giới, chính là ngại nghĩa chánh tri kiến, vì thế luận ấy chép: tâm ấy từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, vì không thông đạt nhất pháp giới, tâm không tương ứng, bỗng nhiên niệm khởi gọi là vô minh.

#### **15. Chương sanh tử nối nhau:**

- Sự chướng nối nhau các sinh tử, là sáu thứ nhiễm tâm. Ba tế cho đến khởi nghiệp thọ báo, là nghĩa sinh tử nối nhau, nên luận ấy chép: tâm thanh tịnh này bị vô minh làm nhiễm, có nhiễm tâm ấy, nghĩa của nhiễm tâm gọi là phiền não ngại... rộng như luận ấy nói.

- Năng y năm tánh, vẫn có hai:

1. Nêu ra: năm tánh gồm những gì: đây đều mới huân, không đồng thuyết của bản hữu của tông pháp tướng, nghĩa hai tông năm tánh thấy nói cao xa, nay đây lại cùng chỗ dẫn kinh Lăng-già... phần lớn giống nhau, chỉ khác chút ít, như văn có nói.

2. Giải thích trong văn có hai:

a) Nói chung chưa huân.

#### **16. Hai chướng chưa dứt thì chưa thành Phật:**

Này người thiện nam! Nếu hai tướng này chưa được dứt bỏ gọi là chưa thành Phật, vốn để phát tâm tu chứng thì y theo dứt bỏ hai chướng nên thành năm tánh, ở đây đều không dứt nên chẳng phải năm số, cũng chưa phát tâm được sự chỉ dạy, nên nói chưa huân, nếu y theo kinh Lăng-già, thì tướng đương với vô tính thứ năm.

2. *Huân thành năm tánh, vẫn có bốn*: tánh Nhị thừa hợp lại phân biệt, có hai:

Nêu các chúng sinh bỏ hẳn tham dục, trước dứt bỏ sự chướng, lý chướng, biết khổ sinh tử, dứt bỏ phan duyên, nên nói trừ sự. Thật ra chưa thể dứt trừ ba tế. Ý trách không trước ngộ lý, nhưng trước trừ sự, cho nên có nói trước trừ chưa dứt.

### **17. Bốn chủng tánh:**

1. Chỉ có thể ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, chướng có sự lý, chấp có người pháp, nay chỉ dứt ở trước, nên nói chỉ có thể. Chưa thể hiển rõ an trú cảnh giới Bồ-tát, tuy đến nhà Trưởng giả nhưng vẫn còn ở vườn sau hót phấn, ngủ lại am thành chưa dám lên nhà trên, nên nói như thế.

#### 2. Tánh Bồ-tát.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh đời mạt pháp, muốn hiện ra biển viên giác lớn của Như lai thì trước phải phát nguyện siêng năng dứt trừ hai chướng, hai chướng đã hàng phục, thì sẽ ngộ nhập cảnh giới Bồ-tát, đây y theo địa trước để làm rõ tướng kia, nên nói đã hàng phục.

Nếu sự chướng, lý chướng đã dứt bỏ hẳn thì liền vào viên giác mầu nhiệm của Như lai, đầy đủ Bồ-đề và đại Niết-bàn, đây là y theo nhập địa cho đến quả vị để phân biệt tướng kia, nên nói dứt hẳn và Bồ-đề...

#### 3. Tánh bất định.

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh đều chứng Viên giác, chắc chắn biết tự tâm xưa nay sẵn có, vì đã chứng biết tất cả hữu tình đều là giác, người dịch kinh lầm. Lẽ ra phải nói chứng các chúng sinh đều có viên giác.

Gặp Thiệt tri thức, nương vào nhân địa pháp hạnh đã làm ấy, lúc bấy giờ tu tập liền có đốn tiệm, tánh giác tuy viên gặp giáo khác nhau, nên ưa thích có khác nhau.

Nếu gặp con đường tu hành chân chánh Vô thượng Bồ-đề của Như lai, căn không lớn nhỏ, đều thành quả Phật, gặp được thắng giáo đều thành, tức là nói không có định tánh riêng. Trái lại nói không gặp duyên



tốt thì tùy theo chỗ nghe thành tiểu, vẫn không có là lược bỏ. Do đó gọi là bất định tánh, vì thế chỉ nêu đốn tiệm.

#### 4. Ngoại đạo tánh.

Nếu các chúng sinh tuy cầu bạn tốt, nhưng gặp người tà kiến nên chưa được chánh ngộ, đó gọi là chủng tánh ngoại đạo. Trong tâm tuy thù thắng nhưng đời trước gặp thầy tà đã huân tâm của họ, chứa nhóm thành hạt giống, vì thế Thánh đạo khó sinh tín tâm.

#### **18. Nói về lỗi của thầy tà:**

Trên là nói về hạt giống tà, sau đây là nói lỗi của thầy: lỗi của thầy tà chẳng phải lỗi của chúng sinh. Ý hiển bày tánh này chắc chắn mới huân, chẳng phải tự sẵn có, nên nói chẳng phải lỗi của chúng sinh, các chủng tánh ở trước cũng nêu ra đây để biết, nhưng vẫn lược bỏ. Cho nên biết chúng sinh vốn đồng tánh giác, chỉ gặp sự chỉ dạy thành khác có Đại, có tiểu, có tà, có chánh, nên biết người phát tâm, phải khéo phân biệt tông đồ. Nhưng các kinh luận khác gọi tánh thứ năm nói vô tánh, chỉ nói xưa nay nhiệm tâm bất giác nối nhau, chưa được tà sư, chánh sư, dạy bảo huân tập, không có hạt giống ba thừa, nên mở ra cũng không tin, do đây lạm vào bốn hữu, ở đây nói tánh ngoại đạo là quyết làm rõ nghĩa mới huân, ba là kết thúc. Đó gọi là chúng sinh năm tánh khác nhau.

- Trả lời tu bi, trí, đã biết bệnh dụng tâm của luân hồi, khỏi rơi vào tông khác, thì phải nương hiểu biết tu hành mau cầu chứng nhập. Nhưng Bồ-tát tu hành không ra ngoài hai việc lợi ích bi, trí cho nên phải nói. Trong lời hỏi trước thì trí trước bi sau, nay trả lời thì bi trước trí sau. Ý tiêu biểu là bi của trí, tức là trí của bi, không trước không sau, nên làm rõ lẫn nhau, trong văn có hai:

- Bi:

#### **19. Bồ-tát chẳng nhiệm thế gian:**

Này người thiện nam! Bồ-tát chỉ dùng đại bi phương tiện, nhập vào các thế gian, lời hỏi ở trước nói: nên lập bao nhiêu phương tiện giáo hóa? Nay đáp ý nói: chỉ dùng đại bi phương tiện thị hiện các thứ hình tướng, thuận nghịch tùy lúc, không định số thứ, nói chỉ dùng đại bi phương tiện là tuy gặp căn cơ các loại, chỉ dùng hai thứ này mỗi thứ tùy theo kia mà xứng hóa. Chỉ có đại bi mới có công năng giáo hóa khắp, chỉ có phương tiện chắc chắn xứng với căn cơ, thích hợp không có lỗi, nên kinh Tư Ích chép: Chúng sinh thực hành ở thế gian mà không biết thế gian, Bồ-tát hành ở thế gian hiểu rõ tướng thế gian, tướng hư không thế gian, hư không cũng vô tướng, Bồ-tát biết như vậy, chẳng nhiệm đối

với thế gian.

Khai phát cho người chưa ngộ, khiến biết pháp vọng vốn không, pháp chân vốn tịnh, cho đến thị hiện các thứ hình tướng, như Quán Âm có ba mươi hai thứ thân mà ứng hiện thân.

Cảnh giới nghịch thuận, luận chép: hoặc là quyến thuộc, bạn thân, hoặc là kẻ thù, giúp cho chúng sinh thêm lớn gốc lành, hoặc thấy hoặc nghe, được lợi ích.

Cùng với đồng sự là một trong bốn pháp nhiếp, ý bao gồm ba thứ khác, ba thứ ấy: bố thí, ái ngữ và lợi hành.

### **20. Giáo hóa chúng sanh thành Phật:**

Giáo hóa cho thành Phật, không trụ ở các thừa khác, nên kinh Pháp Hoa chép: Ta vốn lập thế nguyện, muốn khiến tất cả chúng, bằng như ta không khác. Đều nương nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy, khi nhân thì của Bồ-tát đã quyết phát nguyện độ sinh, nương nguyện lực đã sinh này, giữ vững không lui sụt, nếu tâm mệt mỏi liền nhớ nguyện lực xưa, để tự thúc đẩy việc làm, không phải theo tình nên nói đều nương nguyện lực. Lại chẳng hy vọng báo ân, cũng chẳng phải là ái kiến, nên nói là thanh tịnh. Nói vô thủy: đại bi đồng thể xứng tánh đại nguyện tánh vốn đầy đủ, chẳng phải mới được, chỉ do mê ngộ, có phát không phát, phát tức là hai trí vô thủy.

Nếu tất cả chúng sinh đời mạt pháp đối với đại viên giác, sau đây nói bậc đại trí trên câu Bồ-đề, đối với đại bi ở trước, sau đó giáo hóa chúng sinh.

Khởi tâm tăng thượng, quyết định hướng về.

Nên phát đại nguyện thanh tịnh của Bồ-tát, lễ thường các hạnh mau đến quả Phật, nếu không có nguyện lực thì thường lui sụt.

### **21. Điều nên cầu nguyện:**

Nên nói như vậy: ta nguyện ngày nay trú viên giác Phật, cầu Thiện tri thức, chẳng gặp ngoại đạo và Nhị thừa, quyết định không hướng về các thừa khác, không giống như trước theo năm tánh, nên nói chẳng gặp...

Nương nguyện tu hành, cũng là chỗ làm không chạy theo tình niệm, chỉ nương nguyện lực mà tự đốc thúc, như trong bi trước đã nói. Nguyện là tướng chung, cả bi cả trí, cho nên trong hai đoạn đều nói nguyện lực, đầy đủ bi trí tức là đốn ngộ tâm Bồ-đề.

Lần lần dứt bỏ các chướng, lý tuy đốn ngộ không nhưng sự là trừ bỏ lần lần mới hết. Chướng hết, liền giải thoát, nguyện mãn: tức chứng đại Viên giác. Liền lên pháp điện giải thoát thanh tịnh, chướng hết thì

đi, đứng, nằm, ngồi bất cứ lúc nào cũng chỉ hướng về giải thoát cho nên dùng mầu nhiệm pháp thanh tịnh để ví dụ. Chúng cỡi đại viên giác diệu trang nghiêm, nguyện mãn thì đối cảnh chạm mắt, tất cả các pháp đều là viên giác, vì thế ví dụ là cỡi mầu nhiệm trang nghiêm. Cỡi nghĩa là chỗ hai nước giáp nhau. Trong kệ khen ngợi có hai, hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

**22. Đức Phật nói kệ:**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

*Di-lặc ông nên biết!  
Tất cả các chúng sinh  
Không được đại giải thoát  
Đều là do tham dục  
Đọa lạc vào sinh tử.*

Chỉ bày chỗ bỏ, Văn xuôi lìa mà rộng, ở đây hợp mà sơ lược:

*Nếu dứt được yêu ghét,  
Cùng với tham, sân, si.  
Không vì tánh khác nhau,  
Đều được thành Phật đạo.  
Hai chướng tiêu trừ hẳn,  
Cầu thầy được chánh ngộ.  
Thuận theo nguyện Bồ-tát,  
Nương ở đại Niết-bàn.*

Khuyên khiến dứt bỏ, ở đây và nói về chủng tánh cũng lìa hẳn, ở đây hợp.

*Các Bồ-tát mười phương,  
Đều dùng nguyện đại Bi,  
Thị hiện vào sinh tử,  
Hiện tại người tu hành  
Và chúng sinh đời mạt,  
Khuyên dứt các ái kiến,  
Trở về đại viên giác.*

**23. Lược phân vị tu chứng:**

Trên đây là nghiên cứu cội gốc của luân hồi đã xong. Dưới đây là phần thứ tư, lược phân vị của tu chứng, đã nói về nguồn gốc của giác trí, lại nghiên cứu cội gốc của luân hồi, đã biết viên giác phàm Thánh không khác, nhưng chưa phân biệt tâm thuận theo viên giác từ phàm đến Thánh khác nhau như thế nào? Nên kể lại nói. Ý nói lược phân: là

ba Hiền chung thành một vị, Thập địa Đẳng giác hợp thành một môn, tu thì tu viên giác, chứng thì chứng viên giác, viên giác không khác nhau, tùy theo tu trí để rõ vị địa, vẫn có bốn:

- Phần đầu trong ba phần:

**24. Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ trình bày về từ cú:**

Bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Đồng như trên.

- Kế là trình bày về từ cú, trong vẫn có hai: Trước là chúc mừng. Đại Bi Thế Tôn vì chúng ta nói rộng việc không thể suy nghĩ bàn luận như vậy. Đối tịnh giác nhất vị, nói gốc ngọn luân hồi, chủng tánh khác nhau các pháp tạp nhiễm, mà không trái mất cho nên không thể suy nghĩ bàn luận.

Vốn không thấy, vốn không nghe, chỉ dạy lập tướng nhiễm tịnh rõ ràng, tông phá tướng nhiễm tịnh đều bắt dứt, nay nói lên tánh giác nhiễm tịnh dung thông, cho nên trước đây chưa hề nghe thấy.

Nay chúng ta nhờ Phật khéo chỉ dạy thân tâm thoải mái được lợi ích lớn, dứt sạch các hoặc nhỏ nhiệm, hai là thỉnh trong văn sau có hai:

*a. Chính hỏi.*

**25. Nêu sở chứng của bậc chánh giác:**

Xin vì tất cả pháp chúng đến dự hội, nói lại tánh giác tròn đầy của Pháp Vương, tất cả chúng sinh và các Bồ-tát, sở chứng sở đắc của Như lai Thế Tôn khác nhau như thế nào? Nêu chánh giác sở chứng, hỏi: có thể chứng vị địa, tâm giác hoàn toàn nhân quả khác nhau, hai nghĩa thường trái nên phải nêu câu hỏi.

*b. Kết thúc lợi ích.*

Khiến chúng sinh đời mạt pháp nghe được Thánh giáo này, thuận theo khai ngộ thứ lớp nhập vào.

Sau đây là ba lần xưng phổng theo như trước.

**26. Đức Thế tôn khen ngợi hứa nói:**

Nói lời ấy rồi năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi, Như lai thứ lớp khác nhau, nay ông lắng nghe, ta sẽ nói cho ông. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời chỉ dạy vui mừng, và các đại chúng im lặng lắng nghe, trong phần chính nói, vẫn xuôi có hai:

1. Nói về viên giác vô chứng.

2. Nói về đối cơ nói chứng, trong phần đầu có hai là:

- Pháp và dụ. Pháp có hai:

a. Nói về vô chứng.

b. Nêu lên giải thích lý do. Ở đây là mở đầu:

**27. Tự tánh viên giác là phi tánh:**

Này người thiện nam! Tự tánh viên giác là phi tánh, chẳng phải năm tánh trước và các tánh luân hồi khác nhau như tham, ái...

Tánh hữu: tánh khác nhau ở trước đều có viên giác.

Theo các tánh khởi, viên giác không giữ tự tánh, tùy duyên biến các tánh khác nhau, khi các tánh khởi thì hoàn toàn từ tánh giác khởi cho nên pháp thân không thêm không bớt.

**Kinh chép:** pháp thân trôi lăn trong năm đường, gọi là chúng sinh.

Không thủ, không chứng, chẳng phải cảnh của đương tình. Đối với thật tướng, thật không có Bồ-tát và các chúng sinh, kể sau là tự nêu lên giải thích lý do rằng. Vì sao? Vì sao không có Bồ-tát và chúng sinh? Bồ-tát, chúng sinh đều là huyễn hóa, huyễn hóa diệt nên không thủ chứng, y theo có huyễn cấu gọi là chúng sinh: Người xa lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát, cho nên cả hai đều không. Nhưng luân hồi ở trước và tu chứng ở đây đều nói là không, vì trước dường như bỏ chạy, ở đây như bóng trong gương, là hai dụ: Thí như mắt không tự thấy mắt, tánh tự bình đẳng. Vô bình đẳng là nói mắt có khả năng thấy tất cả, chỉ không thể tự thấy mắt, lại như ánh mắt khi nhìn ngắm cảnh vật thì muôn ngàn khác nhau nhưng thấy chỉ là một, nên nói là bình đẳng, chỉ đối với tâm không phân biệt phàm Thánh hơn kém, nói nghĩa bình đẳng, cũng không có người thực hành bình đẳng.

- Đối với căn cơ nói chứng, vẫn có hai:

1. Nêu chung đại ý.

2. Chứng vị đẳng cấp khác nhau.

Trong phần trước có hai: Ở đây trước nói công dụng có khác nhau.

**28. Chúng sanh mê mờ điên đảo:**

Chúng sinh mê mờ điên đảo, nếu chúng sinh không mê hoặc điên đảo, thì không có nghĩa khác nhau, nên trước nêu đây y theo đó để nói chứng giác khác nhau, mê theo thể điên đảo tức là vô minh căn bản và ba tế sáu thô. Trong luận cũng y theo cách dịch này, để nói về giai vị thí giác.

Chưa thể dứt hết tất cả huyễn hóa, chấp cho là thật, đối với diệt

chưa diệt, tức là nói trong bốn vị thì ba thứ trước lại giác ở trước, không giác ở sau, nghĩa là chướng tập lần lần hết như một phần bụi trần hết thì một phần gương sáng.

**29. Thất địa trở xuống là tu đạo trong mộng:**

Trong công dụng luống dối, Thất địa trở xuống đều là tu đạo trong mộng, nên kinh Hoa Nghiêm có dụ trong mộng vượt qua biển lớn. Chứng ngộ tròn sáng mới biết phiền não vốn không, thì thấy công dụng của trí tuệ năng đoạn cũng là luống dối, như trong mộng lấy thuốc trị bệnh được lành, sau khi tỉnh thì thuốc, bệnh đều không, nên nói công dụng luống dối.

Liên hiển bày khác nhau, chính là nêu chung giai vị. Hai công dụng cùng cực chẳng khác. Nếu được sự vắng lặng của Như lai, thì chư Phật đồng chứng lý này.

Tùy là tương ứng với gốc.

Thuận là không trái, chẳng phải khởi tâm cầu vắng lặng riêng.

**30. Không có pháp vắng lặng và người vắng lặng:**

Thật không có vắng lặng và người vắng lặng, không có năng sở, ý rõ tâm niệm, không sinh không thấy có pháp vắng lặng.

- Chứng vị từng bậc khác nhau, trong văn có hai:

1. Nói nương vị từ từ tu chứng.

2. Nói vọng tâm đốn chứng, trong phần đầu có bốn: Một là Tín vị; Hai là Hiền vị; Ba là Thánh vị; Bốn là Quả vị.

Bốn thứ này trong luận thứ lớp trái nhau, y theo dứt trừ bốn tướng thô tế sinh, trụ, dị, diệt, nương nhờ hiển rõ ngược lại bốn vị để làm sáng tỏ bờ mé thỉ giác. Nhưng tâm tánh lìa niệm vốn không sinh diệt, vì do vô minh quên chân thể của mình, cố động khởi niệm, có thể khiến tâm thể sinh, trụ, dị, diệt từ tế đến thô nhỏ nhiệm khác nhau trước sau khác nhau, bờ mé trước nhỏ nhất gọi là sinh tướng, hai và ba ở giữa gọi trú tướng, dị tướng, mé sau thô nhất gọi là diệt tướng. Ở đây vì bốn giác có năng lực huân tập không thể suy nghĩ bàn luận, khởi tâm nhằm chán mong cầu, lại vì chân như sở lưu huân nghe giáo pháp huân nơi bốn giác, tánh lợi ích năng lực hiểu biết, mất đi vô minh có thể lần lần hướng về nguồn tâm.

Ban đầu là dứt tướng diệt, cuối cùng dứt tướng sinh, hót nhiên đại ngộ hiểu rõ nguồn tâm, vốn không lay động nay sự vắng lặng vô thỉ, bình đẳng, bình đẳng không khác với thỉ giác, đại ý như thế, nay dùng ý luận để giải thích, ban đầu là tín vị: nói về nương nhờ dứt tướng diệt, văn kinh chia làm ba:

*1. Nêu lên đầy đủ phàm phu.*

**31. Thể của ngã vốn không, chúng sanh vọng tưởng là có:**

Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay: đoạn đầu này chưa vào tứ vị. Cho nên có văn này: không y theo phàm phu mê muội thì không có giai vị, nên trước nêu lên, ở đây dịch làm rõ tứ, tức là văn luận dịch bốn tướng thành bốn vị.

Do vọng tưởng ngã, thể của ngã vốn không, vọng tưởng là có, bốn sinh chín loại đều như vậy. Và ái ngã vì chấp là ngã nên sinh yêu đắm, câu trên thể của ngã tức là sở chấp. Câu này ngã kiến tức là năng chấp, nói về nghĩa ngã, dưới đây có văn.

Không hề tự biết niệm niệm sinh diệt, thể ngã vốn không, duy tâm nên có. Tâm đã niệm niệm vô thường, ngã cũng niệm niệm sinh diệt, nên kinh Tịnh Danh chép: Thân này như điện chớp, niệm niệm không dừng trụ. Luận chép: Tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ vô thủy đến nay niệm niệm nối nhau, nên nói vô minh từ vô thủy. Vì thế khởi yêu ghét, mê đắm năm dục: là lỗi mê chấp do chấp ngã nên thuận theo ngã thì yêu, trái với ngã thì ghét, cho nên mê đắm năm dục.

*2. Nói về nghe pháp giác ngộ.*

Nếu gặp bạn lành, chỉ dạy cho khai ngộ, tức văn huân (nghe huân tập).

**32. Nói về nghe huân tập:**

Tánh viên giác thanh tịnh tức là huân bên trong. Phát minh khởi diệt, tuệ soi sáng suốt, rõ phát tâm tánh. Vọng huân tập từ vô thủy trong nhất thời ngộ hiện, như khi thức thì biết là mộng nhưng khi mê thì là sinh diệt. Vọng niệm là ta, cho nên vọng niệm không tự thấy vọng niệm. Như mắt không tự thấy. Nay đã khai ngộ tâm thầm hợp với chân giác, không cho vọng niệm là ngã, nên thầm hợp với tuệ của chân soi vào niệm khởi diệt. Khởi và diệt niệm niệm đều biết, trước không tự biết niệm niệm sinh diệt. Liền biết đời này tánh tự mệt nhọc, tức là tâm sinh diệt này, khi tánh mê tánh liền khởi diệt, vọng niệm trở lại mình, tâm suy nghĩ mệt nhọc, ngàn muôn mưu kế niệm niệm không dừng.

*3. Nói về dứt vọng theo chân.*

**33. Phàm phu thuận theo tánh giác, kết thành tứ vị:**

Nếu lại có người dứt hẳn mệt nhọc: dứt trừ hẳn, tâm cầu làm, được pháp giới thanh tịnh, hoặc lý pháp giới, thì trong thể pháp giới bật dứt các suy nghĩ mệt nhọc, trần cảnh không sinh, gọi là tịnh. Nếu sự pháp giới, thì tâm nhớ nghĩ phân biệt, pháp của trần cảnh khác nhau, mười tám giới... đương thể không sinh, gọi là Tịnh. Vì sao? Vì pháp giới tịnh

uế đều do tự tâm, tâm uế thì uế, tâm tịnh thì tịnh. Liên hiểu tịnh kia là tự chướng ngại: niệm thô đã hết được chút nhẹ nhàng, khi đối tịnh kia tâm sinh yêu đắm, đối với tịnh khởi hiểu gọi là tịnh giải, tâm bị ràng buộc đối với tịnh nên thành chướng ngại, chẳng phải trần bên ngoài quá nhiều gọi là tự ngại, cho nên viên giác mà không tự tại, kết thành tướng chứng giác trong tín, tác ý đối với giác nên không tự tại.

Đây gọi là phạm phu thuận theo tánh giác, kết thành tín vị. Hai là Hiền vị: nói về nhờ dứt mà thành tướng khác. Văn nói: giác đối với niệm khác, niệm không tướng khác...

#### **34. Tất cả Bồ-tát giác ở niệm khác:**

Này người thiện nam! Tất cả Bồ-tát bị kiến giải làm ngại, thấy tịnh giải ở trước bị ngại. Chính là giác ở niệm khác.

Tuy dứt bỏ giải ngại, là vượt quá vị trước. Nói tuy là trước rõ sau kém, niệm không có tướng khác... do trú kiến giác chính là ở giai vị này.

Giác ngại là ngại không được tự tại, kết thành tướng chứng giác Địa tiền kém hơn Đẳng địa. Sở giác là ngại nên năng giác cũng ngại, đây là dùng ngại trừ ngại, nên chẳng tự tại.

Đây gọi là Bồ-tát chưa nhập địa, thuận theo tánh giác. Kết thành hiền vị.

- Thánh vị: nói nhờ dứt mà trụ tướng, văn nói giác ở niệm trú niệm không trụ tướng, nay văn chia làm ba:

1. Ngộ trước kia là sai.

2. Nói về chứng tướng.

3. Kết thành vị. Đây là phần đầu. Này người thiện nam! Có soi chiếu: là tịnh giải trong tín. Có giác: giác của giác ngại trong hiền vị.

#### **35. Nói về giác ở niệm trụ:**

Đều gọi chướng ngại, chính là nói lên ở trước là chẳng đúng, chính là nói về giác ở niệm trú.

- Nói về chứng tướng, nghĩa là dùng trí chứng lý, lý trí hợp nhau, như mặt trời hợp với hư không, như hạt châu tự soi chiếu, chỉ là hiển hiện bản giác, chẳng có năng sở. Trong văn có hai:

1. Không trú chứng.

2. Không trụ giáo, trong đó có ba: nghĩa là pháp dụ và hợp. Đây là phần đầu.

- Cho nên Bồ-tát thường giác, không an trú nơi chiếu và người chiếu, đồng thời vắng lặng. Năng sở khế hợp, vậy nên bài kệ thấy đạo của Duy Thức chép: hoặc khi đối sở duyên, trí đều không sở đắc. Lúc



bấy giờ, an trụ duy thức là hai tướng chấp, trí không sở đắc, thời nay thường giác không trú, thường giác tức là trí không phân biệt, không trú trú thì không chấp các tướng nói suông. Là hai chấp tướng, tức là chiếu này và người chiếu vắng lặng, trí và chân như bình đẳng bình đẳng, đều xa là tướng năng thủ, sở thủ. Văn kia tuy hạn cuộc ở thấy đạo, mà nghĩa của chứng lý thập địa không khác, cũng có thể không đồng với phạm phu, nên nói thường giác, không đồng với địa trước, nên nói không trú, ở đây thì niệm không trú tướng, giác trú tướng là không nên không trú. Thứ hai là Dụ.

**36. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:**

Thí như có người tự chặt đầu mình, đầu đã đứt rồi nên không thể chặt, như cầm dao kiếm tự chặt đầu, khi đầu chưa lìa thì không thể có nghĩa chặt đứt, nếu đầu đã rơi, thì không còn có người năng đoạn, sau là hợp, vì tâm ngại, là giác của giác ngại. Tự diệt các ngại, là ngại của sở giác.

Ngại đã đoạn diệt không còn diệt ngại, như lửa phát ra từ gỗ trở lại cháy gỗ thành tro bay đi.

- Không trụ giáo, nghĩa là địa trước chưa chứng nhân lý khó quên ngôn giáo, chứng lý đẳng địa, không trụ lời nói, không trụ nên gọi chân giải giáo. Vì thế văn nói về Sơ địa trong kinh Hoa Nghiêm chép: được trí kinh luận. trong văn có hai:

*1. Nêu lên để ví dụ giải thích.*

**37. Kinh giáo là phương tiện:**

Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu lại thấy mặt trăng thì biết rõ chỗ nêu rồi chẳng phải mặt trăng. Dù cho lời nói giống như đắc ý, không nói giống mà mê hoặc điên đảo, chấp lời nói giống mà mê chân, cho nên dùng ngón tay chỉ mặt trăng mà dụ cho ngôn giáo, là nghĩa thấy mặt trăng thì phải nhờ đầu ngón tay, tâm ngộ phải nhờ giáo của Phật, nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng, thấy mặt trăng, thì quên ngón tay, nhờ nắm giáo mà tâm ngộ, tâm ngộ thì quên giáo, nếu chấp ngón tay thì mất mặt trăng thật, chấp giáo thì mất bốn tâm, ý khiến chứng thật quên nêu, nên nói chẳng hề có mặt trăng.

*2. Dủ để hợp pháp.*

**38. Phật cũng dùng lời nói để hiển rõ lý:**

Tất cả Như lai dùng các lời nói để chỉ bày cho Bồ-tát cũng giống như thế: ở đây nói các Đức Phật cũng dùng lời nói để hiển rõ lý, vì thế Văn-thù Bát-nhã chép: Tổng trì không có văn tự, văn tự nói lên tổng trì.

- Kết thúc thành vị: ở đây gọi Bồ-tát đã nhập địa thuận theo tánh giác luận cũng kết rằng: gọi là thuận theo giác.

- Quả vị: luận nhờ dứt tướng sinh. Văn nói: Như Bồ-tát Địa tận đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng tâm giác mới khởi, tâm không có tướng ban đầu, để xa lìa niệm nhỏ nhiệm, được thấy tâm tánh, tâm tức thường trú gọi rốt là ráo giác, nay văn chia làm ba:

1. Nói về cảnh: Nay người thiện nam! Tất cả chướng ngại tức là rốt ráo giác: nêu chung, nghĩa là trí rõ viên giác không có tâm phân biệt. Nêu mười đối pháp đều đồng chân thật, tức là trong luận thấy tánh thường trụ... lại nữa, nếu thấy có chướng ngại để dứt, dứt rồi gọi là giác, giác chẳng phải rốt ráo nên chướng ngại, tức là giác mới rốt ráo. Chướng ngại: nêu mỗi cặp trong câu trên, rốt ráo giác tức là nêu câu dưới. Mười cặp: đắc niệm, thất niệm đều là giải thoát.

### **39. Nói về mười cặp:**

1. Cặp thức và trí: không niệm thì được chánh niệm, đó là trí. Hữu niệm thì là thất niệm, là thức. Nên trong luận nói: giác thì lìa niệm, niệm thì bất giác... Nay rõ niệm vốn tự là không, vốn là vô niệm, nên đều giải thoát.

Thành pháp phá pháp đều gọi Niết-bàn.

2. Cặp thành và phá: các duyên hội nhau gọi là thành, duyên lìa gọi là phá, lại tiến tu gọi là thành, chệch bại là phá, duyên vô tự tánh, thành và phá như một, nên đều là Niết-bàn.

Trí tuệ, ngu si đều là Bát-nhã.

3. Cặp ngu và trí: Kinh Đại Bảo Tích chép: si từ phân biệt sinh, phân biệt cũng chẳng có, tánh si và tánh Phật si tánh và Phật tánh bình đẳng không khác nhau, pháp mà Bồ-tát ngoại đạo thành tựu đều là Bồ-đề.

4. Cặp tà và chính: kinh Tư Ích chép: an trú chánh đạo, không phân biệt là tà là chánh, cảnh giới vô minh chân như không khác nhau.

5. Cặp chân và vọng: kinh Niết-bàn chép: Bản thể vô minh tánh vốn giải thoát. Người xưa nói: mê thì chân như là vọng tưởng, ngộ thì vọng tưởng là chân như. Các giới, định, tuệ và dâm, nộ, si, đều là phạm hạnh.

6. Cặp nhiễm và tịnh: giới, định, tuệ ngược lại với ba độc, ba độc vốn không, vốn là phạm hạnh, kinh Chư Pháp Vô Hành chép: tham dục tức là đạo, nhuế si cũng giống như vậy. Trong ba việc như thế, có vô lượng Phật đạo. Chúng sinh, cõi nước đồng một pháp tánh.

7. Cặp y và chính: kinh Niết-bàn chép: ta dùng mắt Phật xem

khấp ba cõi hữu tình vô tình, tất cả người pháp thấy đều rất ráo. Rất ráo: tức là pháp tánh. Địa ngục, cõi trời đều là tịnh độ.

8. Cặp khổ và vui: Nghiệp cực ác thành thì thấy cõi trời là địa ngục; nghiệp cực thiện chín muồi thì thấy địa ngục là cõi trời. Ý nghĩa của hai nghiệp do tâm, địa ngục cõi trời đâu chắc chắn. Tâm đã vốn không, tất cả thanh tịnh, cho nên kinh Bảo Tích có Tam-muội địa ngục Tam-muội thiên cung, nhưng các pháp đều như vậy, chẳng phải chỉ cõi trời và địa ngục. Nay lại y theo pháp thích thể trái nhau để lệ cho những trường hợp nhau.

Hữu tánh, vô tánh đều thành Phật đạo.

9. Cặp hữu tánh và vô tánh:

Hữu tánh: là tánh ba thừa.

Vô tánh: là tánh Xiển-đề, chẳng phải chỉ ngày khác hồi tâm, hiện tại đã thành Phật đạo. Tất cả phiền não rất ráo giải thoát.

10. Cặp trói buộc và giải thoát: Kinh Phật Đảnh chép: căn trần đồng nguồn, gốc trói buộc giải thoát không hai, thức tánh luống dối giống như hoa đốm trong hư không. Nhưng phiền não nường thức, thức tánh đã không thì phiền não trói buộc chỗ nào? Mười cặp trên đây danh tướng tuy khác mà ý không khác, nhưng vì Phật chứng tâm giác, tâm không lấy bỏ, nên được các pháp khấp đều tròn mầu. Nên nay chỉ mỗi mỗi dẫn ví dụ mà thôi, chứ không mỗi mỗi tìm cầu tướng tức là nguyên do vô ngại.

2. Nói về tâm.

#### **40. Nói về biến trí tuệ pháp giới:**

Pháp giới biến tuệ: pháp giới sâu rộng nên giống như biển, còn tuệ là dụng, vì xứng với pháp giới nên gọi là pháp giới tuệ. Chiếu rõ các tướng giống như hư không, lý lượng xem ngang bằng, chánh trí không điên đảo, do tâm phân biệt các tướng khác nhau, nay biến tuệ là niệm nên các tướng như hư không. Lại tuệ của năng chiếu là niệm nên các tướng như không, tức không giống với tuệ vô ngại của kinh Tịnh Danh bao nhiêu. Như gương chiếu vật, gương tự vô tâm. Trên đây đều là trong luận, phương tiện đầy đủ, một niệm tương ứng, tâm giác mới khởi, tâm không có tướng ban đầu.

3. Kết vị:

#### **41. Bình đẳng trong khác nhau:**

Đây gọi Như lai thuận theo tánh giác: Hai là vọng tâm đốn chứng, trước do khấp chỉ bày giáo môn, y theo căn cơ nói có sâu cạn, nay sợ còn phân biệt thì không có lúc ngộ nhập, nên chỉ bày viên đốn an tâm,

đối với giác thành chân thật thuận theo, trước là theo tướng, đây nên lia tướng, cũng như Hoa nghiêm trước nói vị địa nhân quả khác nhau, sau dung thông bình đẳng nhân quả, tức là bình đẳng trong khác nhau, khác nhau trong bình đẳng. Trong đây, ý thú đồng với kia, vẫn có ba:

1. Quên tâm vào giác.
2. Nghiệm quả biết nhân.
3. Ẩn thành trí Phật.

Trong phần đầu có hai:

1. *Chỉ bày an tâm.*

**42. Không để sanh khởi vọng niệm:**

Này người thiện nam! Vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, là chỉ bày pháp an tâm đời mạt pháp, vẫn có bốn tiết mỗi tiết có hai câu, bất cứ lúc nào cũng không khởi vọng niệm, vọng niệm là phan duyên chấp đắm pháp bên ngoài, nghĩ thời trái giác, nên không để khởi.

Đối với các vọng tâm cũng không dứt diệt, nếu cầu chân xả vọng như bỏ bóng theo hình, nếu dứt vọng còn chân, thì giống như phát ra âm thanh mà dứt tiếng vang, trụ trong cảnh vọng tưởng không thêm hiểu biết, cảnh từ tâm hiện vốn là tự tâm. Nếu thêm hiểu biết tức là mê hiện lượng, nên kinh nói chẳng huyễn thành huyễn.

**Luận chép:** tâm không thấy tâm, chỉ không sinh tình tự nhiên như gương soi chiếu vật thể. Vả lại, tâm thể vốn tự hiểu biết, đâu cần phải gia thêm hiểu biết, trên biết khởi biết gọi là thêm.

Với không hiểu biết không phân biệt chân thật, rất dễ hiểu đã vắng lặng tức là biết chân thật, chân thật liền biết, ai biết chân thật như mắt không tự thấy mắt...

2. *Nương pháp đón nhập:*

**43. Chúng sanh nghe pháp môn này không sinh sợ:**

Các chúng sinh kia nghe pháp môn này, tin hiểu thọ trì không sinh kinh sợ. Chính gọi là thuận theo tánh giác. Chúng đương căn kia, nếu nghe phương tiện này tâm không nghi ngờ, thể đạt rõ ràng lãnh thọ giữ gìn, thời thân nhiên hợp đạo, cũng giống như đối với kinh Kim cương không kinh, không sợ, không hãi, thật là ít có.

- Nghiệm quả biết nhân:

Này người thiện nam! Các ông nên biết, chúng sinh đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chư Phật và Đại Bồ-tát như thế, gieo trồng các gốc đức, thành thật nói: nghiệm nay nghe ngộ mau hợp tâm Phật, mới rõ nhân đời trước, trước kia nhờ huân tập, nếu chỉ y theo đời hiện tại chính là đốn cơ (căn cơ nhanh) nếu suy tìm nhân đó đã là

chứa nhóm, kinh Kim cương cũng chép: không đối một, hai Đức Phật...  
- Ấn thành trí Phật.

**44. Nhờ pháp môn này được nhất thiết chủng trí:**

Phật nói người này gọi là thành tựu Nhất thiết chủng trí, nghĩa là Nhất thiết chủng trí do đây mà được, nhân quả dung nhiếp lẫn nhau, chắc chắn không nghi. Cho nên Như lai ấn ngôn thành tựu. Lại nữa, tông phần của kinh này đồng với Hoa Nghiêm, nhân trùm biến quả, quả suốt nguồn nhân, xứng tánh thâm nhiếp lẫn nhau, trước sau không khác. Kia nói: nếu các Bồ-tát có thể cùng quán hạnh tương ứng như thế, đối với các pháp không sinh hiểu hai, tức là đồng với văn nói về an tâm này. Liền được vô thượng Bồ-đề, đồng với Nhất thiết chủng trí này, trong kệ tán có ba: ban đầu hai, hoàn toàn đồng với văn xuôi, hai câu thứ ba tổng kết văn xuôi không.

**45. Đức Phật nói kệ:**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên ngài nói kệ rằng:

*Thanh Tịnh Tuệ nên biết,  
Tánh Bồ-đề tròn đầy,  
Không thủ cũng không chứng,  
Không Bồ-tát chúng sinh.  
Viên giác trên không chứng,  
Đối cơ dưới nói chứng.*

Khi giác và chưa giác, thứ lớp có khác nhau trên nêu chung đại ý, dưới chứng vị tầng bậc khác nhau, chúng sinh là giải ngại (tín vị), Bồ-tát chưa lìa giác (hiền vị) nhập địa mãi vắng lặng, không trú tất cả tướng (Thánh vị).

*Đại giác đều tròn đầy,  
Gọi là thuận theo khắp.*

(Quả vị) các chúng sinh đời mạt pháp, tâm không sinh luống dối, vong tâm đốn chứng.

*Phật nói người như thế,  
Đời này là Bồ-tát,  
Cúng dường số cát sông hằng Phật,  
Công đức đã tròn đầy.  
Ấn thành trí Phật.*

**46. Nói về trung căn tu chứng:**

Dù có nhiều phương tiện, đều gọi trí thuận theo. Vì tổng kết đốn tiệm nên nói là nhiều phương tiện, trên đây bốn đoạn nói chung quán

hạnh xong, kể là bốn câu hỏi đáp nói riêng về quán hạnh. Trung căn tu chứng là nói riêng: gồm có hai ý:

1. Do một hạng người nương vào môn trước chứng nhập không cần tu đây, nên đây gọi là riêng.

2. Môn này mỗi môn khác nhau, như ba quán có khi một người đủ cả ba, có khi một hoặc hai đơn kép xen nhau, thành hai mươi lăm thứ, mỗi thứ đều ứng với một căn cơ nên nói là khác. Chỗ lìa chướng kia cũng đều khác nhau, lại như bốn tướng, có khi một người đủ bốn, có khi ba, hai, một. Bốn bệnh mỗi người đều nhất định không gồm khác, vì trái nhau, nên đây hai-bốn đều là tướng riêng, không đồng với vô minh và ái ở trước hẳn là phạm phu đều có. Trước là chung ở đây là riêng. Nhưng trong quán hạnh chung riêng, đều đồng khoa đoạn với hoặc chướng: do vậy hoặc chướng quán hạnh, hoặc được dứt trừ thì thành quán hạnh, vẫn có hai:

Hai câu đầu là hỏi đáp tu hành ba quán, hai câu sau là hỏi đáp hai lần trừ chướng.

Ban đầu trong đó có hai:

- Chỉ bày hành tướng ba quán, sau nói về đơn kép tu tập, ban đầu trong văn có bốn: Phần đầu của ba phần đầu:

**47. Thỉnh Phật phân biệt rộng thuận theo tánh giác:**

Bấy giờ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiều theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên, kể lại trình bày từ cú, có hai:

*1. Chúc mừng trước.*

Đại bi Thế Tôn! Xin rộng vì chúng con phân biệt thuận theo tánh giác như thế: Thọ lãnh y vị, trước dần dần chứng đắc.

Khiến các Bồ-tát tâm giác sáng rõ, nương viên âm của Phật, không nhờ tu tập mà được thiện lợi, thọ lãnh tâm vọng ở trước mà đốn chứng, tạm nghe rồi được thiện lợi, hưởng chi siêng năng thực hành.

*2. Thỉnh văn sau có hai:*

a. Hỏi chỗ tu.

b. Nói về việc phải làm, trong phần đầu có hai.

1. Lập lý.

**48. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:**

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như ngôi thành lớn, ngoài có bốn cửa, tùy theo người ở các nơi đến, chẳng dừng dọc đường, như từ phía Đông đến không thể vào cửa phía Tây.

Tất cả Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ-đề chẳng phải một phương tiện, hợp pháp rất dễ hiểu. Nghĩa là trước nói quán hạnh lý thú rõ ràng, nay lại thưa hỏi, sợ liên quan không phân, nên trước lập lý thỉnh mời lại hợp cơ.

2. Chính thức thưa hỏi.

**49. Thỉnh Phật giảng nói tất cả phương tiện thứ lớp:**

Cúi mong Thế Tôn, giảng nói rộng cho chúng con nghe tất cả phương tiện thứ lớp: là hạnh sở tu.

Và người tu hành gồm có mấy thứ, người năng tu, hai là nói việc phải làm, khiến Bồ-tát trong hội này và chúng sinh đời mạt pháp, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, dạo chơi trong biển lớn vắng lặng của Như lai. Sau đây là ba lần tuyên bố mô phỏng theo trước. Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu, lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Oai Đức Tự Tại rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp mà thưa hỏi Như lai phương tiện như thế, nay ông lắng nghe! Ta sẽ nói cho. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại vui mừng vâng lời chỉ dạy và các đại chúng im lặng lắng nghe.

Kế là chánh nói, trong Văn xuôi có bốn.

1. Nêu gốc nêu số.
2. Chỉ bày quan môn.
3. Dẫn ví dụ làm rõ viên.
4. So sánh nói lên sự tốt đẹp, đầu tiên có hai:  
- Y theo xứng tánh để nêu gốc.

**50. Diệu giác có ra Như lai mười phương:**

Nay người thiện nam! Diệu giác vô thượng trùm khắp mười phương, xuất ra Như lai, chư Phật mười phương đồng chứng đồng tu, nghĩa chứng như trước, ở đây là hỏi tu.

Đồng thể bình đẳng với tất cả pháp, đều cùng bình đẳng. Luận Trí Độ chép: Ở trong số chúng sinh gọi là Phật tánh, ở trong số không phải chúng sinh gọi là pháp tánh, trên đều là tánh sở xứng.

Đối với các hạnh tu hành thật không có hai, hạnh năng xứng tức là như môn hai quán không ở trước, căn trần sạch hết, tham ái đều vắng lặng, bi trí song hành, lia tướng lia tâm, thường không sở đắc. Tất cả Bồ-tát đều như thế, tùy việc tuy khác, ý này không hai. Hai là y theo hạnh tùy cơ để nêu số.

**51. Có vô lượng phương tiện thuận theo:**

Phương tiện thuận theo số ấy vô lượng, nhưng căn tánh của chúng

sinh lợi độn khác nhau, phiền não dầy mỏng nặng nhẹ đều khác nhau, theo căn tánh kia nói giáo nhiều mối, nếu không như vậy thật khó hưởng về. Nên kinh Lăng-nghiêm chép: Sở thuyết chẳng phải sở ứng, đối kia là chẳng nói, những người bệnh kia, thầy thuốc là nơi chốn, Như lai vì chúng sinh, tùy tâm ứng tượng nói.

### **52. Quán môn có ba:**

Viên nhiếp chỗ về, theo tánh có khác, nên có ba thứ: căn tánh chúng sinh tuy có muôn vàn khác nhau, nhưng ba môn này thâm nhiếp hết tất cả, phải có ba nghĩa như ở dưới giải thích. Hai chính là chỉ bày môn quán, có ba:

1. Quán tướng mắt lắng thân.
2. Quán khởi huyễn tiêu trần.
3. Quán linh tâm dứt đối đãi.

Nhưng cương lĩnh của thiền quán đã nói đầy đủ. Tu tập Bồ-đề chẳng phải dầy không chứng, nhưng vì chỉ dạy tùy theo căn cơ khác xoay vẫn có các đường, tà chánh, phàm Thánh, đại tiểu, quyền thật, sự lý, tiệm đốn, có chung, không chung. Nay nương pháp này tấn tu, để thành quán hạnh viên đốn, tức sự lý định tuệ đều không trở ngại, cùng với tu tập Tam-muội chân như trong luận, thể tướng về đại thể thì đồng về chi tiết thì khác, khác chi tiết là kia không chia thành ba. Nay ban đầu bật tướng, vẫn tự có ba.

- Nêu gốc.

### **53. Nói về hạnh mẫu nhiệm:**

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ viên giác, thanh tịnh là phát tâm tu hành muốn thẳng đến quả Phật, trước phải hiểu rõ trong thân, làm thanh tịnh tánh viên giác lấy đó làm gốc, gốc tức là hiểu, nương vào hiểu mà tu mới là hạnh mẫu nhiệm.

Nên dưới đây nêu gốc... đều đồng ở đây.

- Giải thích, có ba:

#### **1. Khởi hạnh:**

Để thanh tịnh tâm giác, y theo chỗ ngộ kia mà khởi hạnh. Phàm phu dùng vọng, Bồ-tát dùng giác, mê ngộ khác nhau.

Lấy yên tĩnh làm hạnh, tuy ngộ ngay nơi động là tĩnh, vì muốn đối trị thói quen loạn động, trước nay dùng cảnh yên tĩnh an tâm, từ từ tu hành mới được thành tựu. Không chấp pháp mà chấp tĩnh. Thành thật nói rằng: do tâm giác ban đầu năng lực thành lập còn nhỏ nhoi, lý nên giữ yên tĩnh khoan thai mới soi chiếu từ từ. Luận chép: nếu tu chỉ, trụ ở chỗ yên tĩnh ngồi thẳng chánh ý, không nương hơi thở, hình sắc,



hư không, đất, nước, gió, lửa, thấy, nghe, hiểu, biết, cho đến nên biết duy tâm không có cảnh giới bên ngoài, chính là tâm này không có tự tướng...

Do lắng đọng các niệm, giác biết phiền động, do trước nhờ yên tĩnh lắng lòng, các niệm không khởi, tâm được yên tĩnh, thể chẳng phân biệt, nên thấy thức phân biệt, phiền lao nhiễu động. Khổ tự là biết thì không thể thấy biết, như mắt không tự thấy, nay do ý niệm sâu lắng, trí tuệ hiển rõ cho nên hiểu biết.

### 2. Công thành.

Trí tuệ yên tĩnh phát sinh, do ý nghĩa hiểu biết sâu lắng ở trước, tuệ tánh mở sáng, do tĩnh sinh tuệ nên gọi là tĩnh tuệ, so sánh kín đáo nay hiển rõ nên nói phát sinh. Thân tâm khách trần từ đây diệt hẳn, do tuệ phát sinh thân tâm đều hết, trần vọng không khởi, gọi là diệt hẳn, khách chẳng phải bỗng tánh, bụi trần làm nhơ tự thể.

Lại có thể bên trong phát ra yên tĩnh nhẹ nhàng, do xa lìa căn cảnh trong tâm tự khép. Vắng lặng trong sạch nhẹ nhàng thông suốt, ồn ào dứt hẳn, loại bỏ thô xấu.

### 3. Cảm ứng.

Nhờ vắng lặng nên các Đức Như lai ở các thế giới trong mười phương hiển hiện trong tâm, thể tánh tròn sáng của chúng sinh không khác với Phật, chỉ vì vọng tình nên phạm Thánh đường như ngăn cách, nói theo lý thật thì ta biết thân tâm cũng hiện khắp trong mười phương, cho nên người xưa nói: hoàng hôn vắng lặng thân tâm rộng rãi vẫn không có vật, sỏi cát sông hằng chư Phật vào thân ta, thân ta thường vào hằng sa Phật, nay chỉ nói về nhập quán làm chính, nên nói chư Phật hiển hiện trong đó.

Như bóng trong gương, như các gương vào trong một gương, các gương liền thành cảnh tượng, tâm chư Phật vào quán tâm hành nhân, như hình bóng. Nhưng tánh của gương bụi vốn sáng.

### 54. Tâm chúng sanh vắng lặng liền hiện Như lai:

Tự tâm chúng sinh cũng giống như vậy, tâm vắng lặng liền hiện Như lai, nên luận hỏi rằng: nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có thể hiện tất cả mọi nơi làm lợi ích chúng sinh. Vì sao thế gian phần nhiều không thể thấy? Đáp rằng: Chư Phật Như lai pháp thân bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, không có cố ý nên nói tự nhiên chỉ nương vào tâm chúng sinh mà hiện. Tâm chúng sinh: giống như chiếc gương, nếu gương có bụi thì cảnh tượng không hiện, tâm chúng sinh cũng giống như thế, nếu có nhơ bẩn thì pháp thân cũng không hiện. Kinh nói tâm Phật, luận nói pháp

thân, thân tâm là một, đều y theo gốc của năng hiện, nếu y theo sở hiện thì nên nói ứng hóa, đây là nói về tâm yên tĩnh, cho nên biết tâm Phật cũng giống như vậy, nên gọi là hiện, chẳng nói tâm Phật có sở hiện, đây chính là gương sáng thì ảnh tượng rõ ràng, trí rõ thì tâm tâm soi chiếu nhau, nên kinh Tịnh Danh chép: Như tự quán tướng thật của thân, quán Phật cũng giống như vậy. Ba là kết danh.

### **55. Phương tiện tu chỉ:**

Phương tiện này, gọi là Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ, là tên khác của định, nghĩa là vắng lặng. Tức đối với cảnh nhiễm tịnh... tâm không vọng duyên, nếu theo sự giải thích của kinh Niết-bàn thì gọi là năng diệt năng điều tịch tĩnh viễn ly và năng thanh... Kết thúc nói: do nghĩa ấy nên gọi là tướng định. Hai khởi huyễn quán tiêu trần.

- Ban đầu nêu gốc.

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ tịnh viên giác: giống như trên.

- Hai là chính giải thích, trong đó có năm:

#### **1. Khởi hạnh.**

### **56. Ba thứ: Thức căn, trần hòa hợp không có tự tánh:**

Do tâm giác thanh tịnh mà biết được tâm tánh và căn trần đều là nhân. Huyễn hóa: y theo trước nêu giải thích thì tâm tánh là thức, thức và căn, trần cả ba thứ hòa hợp mà có, mỗi thứ không có tự tánh, chỉ là vô minh mê chân mà khởi, nên gọi là huyễn hóa, liền khởi các huyễn hóa để trừ huyễn ấy, chính nói về khởi hạnh. Các huyễn tức là huyễn trí. Huyễn: chính là vô minh căn bản, là người năng huyễn; trừ huyễn: nương năng lực trí giác như huyễn, phần giác căn bản bất giác, ban đầu dứt tướng diệt, cuối cùng dứt tướng sinh, tức là trừ huyễn.

Biến hóa các huyễn mà mở bày các huyễn, tùy theo căn cơ ứng hóa nói pháp chỉ bày chúng sinh như huyễn. Nếu quán tâm để giải thích thì, trí huyễn biến khởi khác nhau, quán khắp tất cả tám muôn trần lao, mỗi mỗi xứng chân, thanh tịnh không che không chướng, tức là khai mở.

#### **2. Công thành.**

Do khởi huyễn, nên có thể bên trong phát ra đại bi, căn trần đã tiêu, tự tha không hai, cho nên bên trong phát đại bi đồng thể.

Nhẹ nhàng: Do bi từ định khởi, chẳng phải ái kiến kia, nhẹ nhàng khoan khoái.

#### **3. Kết thúc chung.**

Tất cả Bồ-tát khởi hạnh từ đây, từ từ thêm lớn, nói các Bồ-tát từ

môn quán này mới khởi được bi trí cho đến quả Phật.

#### 4. *Phân biệt quá lạm.*

Quán huyện kia: chẳng đồng với huyện, nên phải bỏ pháp huyện, phân biệt thức khác với trí, năng, sở, hơn, kém khác nhau.

Chẳng đồng huyện quán đều là huyện, phải bỏ trí huyện. tướng huyện lia hẳn.

#### 5. *Tổng kết.*

Các Bồ-tát này hạnh nhiệm mầu đã viên mãn, là kết thúc thành tựu hạnh xứng chân chẳng huyện, như đất nuôi dưỡng mầm như các thứ, ngũ cốc nương đất nuôi dưỡng mầm mống khi thu hoạch thì mầm, đất đều bỏ. Hạt giống dụ cho tâm giác, đất dụ cho pháp huyện, mầm dụ cho trí huyện, nghĩa là ngộ viên giác thanh tịnh, nương pháp huyện mà khởi trí huyện, từ trí huyện mà quên tâm vào giác, nhập giác thì hai thứ trước đều trừ bỏ.

- Kết danh:

#### 57. *Tam-ma-bát-đề, Hán dịch là Quán:*

Phương tiện này: gọi là Tam-ma-bát-đề, cũng gọi Tam-ma-bát-đề, Hán dịch là Đẳng chí, trong đẳng trì có khả năng đến địa vị cao quý. Lại “đẳng” nghĩa là ngang bằng... lia sự chìm đắm. Chí nghĩa là đến, đến thẳng định, nên trước có Tam-muội như huyện. Ba quán linh tâm dứt đối đãi, vẫn có ba:

##### 1. Nêu gốc.

Này người thiện nam! Nếu các Bồ-tát ngộ viên giác thanh tịnh: như trên. Trong chính giải thích có hai:

- Khởi hạnh.

Do tâm giác thanh tịnh: thuộc về sở y.

Không chấp lấy huyện hóa: lia quán thứ hai, và các tướng tịnh: lia quán thứ nhất.

Biết rõ thân tâm đều là quái ngại, có thân có tâm, thấy đều là vọng, biết rõ là năng, thân tâm là sở, nương sở khởi năng cho nên cả hai đều ngại. Sau đây là nói sở dụng, trong đó lại có ba, đó là pháp dụ và hợp.

Không hiểu biết: tức là trên biết rõ thân tâm. Nghĩa là thân xúc chạm là giác, tâm duyên gọi là tri, do phân biệt này nên chướng ngại chánh tri kiến.

#### 58. *Nói về hình tướng của linh tâm:*

Nói là hiển bày thể của linh diệu, nhưng trên linh tâm này không có đỉnh, dưới không có đáy, bên cạnh không bờ mé, chặng giữa không

có chỗ, đã trong vô thường thì đâu có Đông, Tây, Trên, Dưới? Muốn nói vắng lặng thì không giống như hư không, muốn nói tướng dụng thì không từ duyên khởi, muốn nói thấy biết thì khác với phân biệt, muốn nói cố chấp ngu si thì khác với gỗ đá, muốn nói giác kia thì khác với mới tỉnh ngộ, muốn nói ánh sáng thì khác với mặt trăng, mặt trời. Cho nên các kinh giáo đối với vắng lặng không vô thì quả trách là tà tiểu. Đối với sự hiểu biết sáng rõ cùng diệt mất nhau cùng tồn tại lẫn nhau, đều có ý sâu sắc, nay đây muốn nhập quán môn, sợ biết chữ dẫn ý phân biệt, vì cho nên chỉ nói là sáng.

Không nương các trở ngại, các ngại là thân, tâm, năng, sở; không nương là thẳng làm; linh minh được hẳn, rốt ráo thường nhiên; vượt quá: khác hẳn đối đãi. Ngại: trước quán huyện liên quan đến phiền não. Không ngại cảnh: trước giữa lấy yên tĩnh, đồng với Niết-bàn, thọ dụng: thuộc duyên riêng của mình.

Thế giới: làng nước cùng ở chung. Và thân: Hình chất rõ ràng. Tâm: lại có thấy nghe. Tồn tại lẫn nhau: chẳng khác tầm thường.

Cõi trần không lìa chỗ cũ, đây là do chấp nhận không có tự thể, đồng với tha nay không sinh tình, đâu bị vướng mắc linh chiếu. Như trong khí cụ gõ tiếng phát ra ngoài, chữ hoàng không chắc chắn, sợ người dịch lầm, có ba nhà dịch.

#### **59. Nói về chiết tự âm huấn:**

- Y chữ hoàng âm hoành, theo thiết vận huấn và huấn lạc không phải là tiếng trong khí cụ. Ở đây ngu không xem rõ, lấy thế tiếng, không lấy chữ huấn, đây lẽ ra là tướng âm thanh trong vàng, đá... nay lại hiện nghe loại tiếng của chuông khánh, tiếng chuông kia như vậy. Cho nên biết chuông là tướng trạng của loại tiếng này, người dịch nhuận văn hơi vụng, nên nói như nay tiếng chuông phát ra ngoài. Hai là chữ hoàng âm đồng, tức là cái chuông lớn. Là một số trong các khí cụ, nên nói như chuông trong khí cụ, y theo đây thì thuận theo văn kinh này, nhuận văn không lỗi. Nhưng ghi lại hoặc viết chép, sai lầm dùng hoàng làm chữ hoàng như thế. Ba là đều hoàng âm hoành, tức là loại sênh hoàng, vì các dụng cụ về hoàng chẳng phải một, không hạn cuộc nói hoàng trong sênh, chính nói hoàng trong đồ dùng, cũng như thuộc loại ống sáo, đều có thể phát ra tiếng ở bên ngoài, y theo đây thì người dịch không giỏi về văn tự thanh vận của Trung Quốc, nên chữ và âm đều lầm như vậy. Sau chính lặc giải thích ví dụ, ba thứ trước tuy khác hợp pháp đều thông, đều lấy dụng cụ thí dụ cho thế giới thân tâm, tiếng dụ cho quán trí linh minh, nghĩa là tiếng từ dụng cụ phát ra, dụng cụ không thể hạn

chế, nên tiếng nghe xa bốn phương, dụng cụ hạn cuộc bốn xứ. Đem ví dụ quán trí y theo thân tâm tu đắc, thân tâm không thể hạn cuộc, quán trí rộng rãi như thế không bờ mé, thân tâm lìa chỗ cũ, nhưng thí dụ tương đương với cái gì, đâu phải dụ cho vật sở y. Nói thành thực: như tiếng chuông lớn của lầu dung tinh bị ngại, cái chày đánh một tiếng thì âm thanh vang cả khu vực lớn, tự thể gồm tha không thể trở ngại, đâu vì lầu hạn cuộc tương chuông, khiến tiếng vang không thông? hình ngại tiếng sáo khiến cho âm thanh không thấu suốt, xem thế văn này chưa tránh khỏi hoài nghi. Lại không thể quyết thông, chần chừ xa với với mà thôi. Ý cũng đồng với trước, nhưng pháp hợp rất đủ, nghĩa là thêm lầu dụ thế giới, còn lại y theo trên rất dễ hiểu.

**60. Phiên não và Niết-bàn chẳng chướng ngại nhau:**

Phiên não, Niết-bàn (như dụng cụ) chẳng chướng ngại nhau, như chuông. Hai là công thành.

Liên ở trong đó phát ra sự vắng lặng, không chấp huyễn hóa, huyễn hóa liền vắng lặng, không chấp tướng yên tĩnh, tướng yên tĩnh liền mất, chẳng phải cố làm mất mà làm mất nó được, lại chỉ là chân tâm thật lý chẳng đối với tĩnh huyễn. Nên kinh Lăng-già chép: vắng lặng gọi là nhất tâm, đây chẳng phải sự vắng lặng của dứt tiếng động, sinh rồi mà diệt, nên nói trong phát ra sự nhẹ nhàng (giống với ở trên) Diệu giác thuận theo cảnh giới vắng lặng, khi quán thì dụng tâm đồng với Phật cho nên thuận theo sự vắng lặng của Diệu giác. Thân tâm Tự tha không thể bằng, chỉ riêng tự biết rõ các việc khác, việc mà người không thấy, nên tha không bằng, lượng tâm thức của mình cũng không thể tạo ra. Như đom đóm thiêu đốt núi Tu-di, chắc chắn phải lìa tình mới khế hợp, nên tự mình không bằng. Lại, nương thể khởi trí là tự, y theo trần phát thức gọi là tha, không thể thức thức trí trí, nên đều không bằng.

Chúng sinh, tuổi thọ đều là ý tưởng thô phù, tuổi thọ của tất cả chúng sinh, chỉ vì nhậm trì ý tưởng thô phù, vốn không thật thể, nên kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả chúng sinh chỉ do tưởng giữ gìn, như mây giữa hư không là không, tuổi thọ của chúng sinh là ý tưởng thô phù của chân. Rõ chân vắng lặng, liền biết chúng sinh chẳng bao giờ là nhân.

**61. Kết thúc đặt tên:**

- Kết danh.

Phương tiện này gọi là Thiên-na, Hán dịch là Tĩnh lực, tức là suy nghĩ mà yên tĩnh, tức là yên tĩnh mà suy nghĩ, nên chẳng tán động, tức

là nghĩa đang định, tức là yên tĩnh mà suy nghĩ cho nên chẳng phải vô ký, tức là nghĩa đương tuệ, nên bốn thứ tĩnh, lực, định, tuệ bình đẳng.

**62. Hỏi đáp về định tuệ: Đã là định tuệ bình đẳng, vì sao khoa nói linh tâm dứt bật đối đãi?**

Đáp: Chính vì không mắc kẹt hai thứ này thẳng tạo nguồn tâm, nên định tuệ... là giải thích tương ý nghĩa của dứt bật đối đãi trong văn là rất sáng, chắc chắn không nghi. Nhưng giải thích trong tương chỉ tu hành thì vọng tình dụng tâm, nên hiển rõ, cả hai đều mất, dứt bật đối đãi, sau chỉ y theo nghĩa để kết thúc, cho nên lấy cả hai là đều dung thông, đều dung thông dứt bật đối đãi, song là cả hai đều mất, đều là trung đạo nên giải thích tương và kết danh, rõ ba quán văn ban đầu đều nêu ngộ là nhờ nghe kinh trước. Nghĩa là ban đầu yên tĩnh quán tu giải trong Văn-thù. Kế lại huyển quán tu Phổ Nhân hoàn toàn giải của nửa trước Phổ Nhân, sau linh tâm quán tu nửa sau của Phổ Nhân giải toàn chương của Kim cương tạng, phối hợp với kinh trước rất rõ ràng dễ thấy, nhưng ba môn này và kinh Niết-bàn ba tướng về đại thể giống nhau nhưng chi tiết khác nhau, cùng ba quán của Thiên Thai thì nghĩa lý đồng mà ý thú khác. Về đồng:

1. Mất tướng tức quán không.
2. Khởi huyển tức quán giả.
3. Dứt đối đãi tức Trung quán.

Về khác thì ở đây nói hành nhân phương tiện dụng tâm, kia thì suy cùng các pháp tánh tướng, ở đây thường y theo tâm thành hạnh, nên không lập cảnh sở quán, kia phần nhiều y theo nghĩa sinh hiểu, cho nên đối với ba đế sở quán.

- Dẫn ví dụ làm rõ viên.

**63. Ba pháp môn này đều hướng về Viên giác:**

Này người thiện nam! Ba pháp môn này đều là viên giác, gần gũi thuận theo Như lai trong mười phương, do đây thành Phật, Bồ-tát mười phương các thứ phương tiện, tất cả đồng khác đều nương ba thứ sự nghiệp như thế. Ba môn này đều nương ngộ viên giác thanh tịnh mà khởi quán hạnh, quán hạnh cũng đều hướng về nhập vào viên giác, trước sau không lìa. Nói gần gũi thuận theo, Phật và Bồ-tát đồng chứng đồng tu, tùy căn cơ, tùy việc làm, hành tướng đều khác nhau. Hoặc nhiều người đồng tu một môn, hoặc một người tu đủ nhiều hạnh, hoặc ba, năm, hoặc trăm ngàn, đồng và khác tùy loại khó có tiêu chuẩn, nhưng phải đều nương ba nghiệp này. Trong ba nghiệp, hoặc nương đủ ba, hoặc một, hoặc hai, đồng thời trước sau đơn kép nương tựa lẫn nhau, đủ như hai

mười lăm luân đã nói, đây là sự nghiệp của người tu hành.

Nếu được viên chứng tức là viên giác của ta, thú nhập tuy từ một môn công thành thì cả ba đều viên chứng. Nếu tu riêng một hạnh chỉ gọi gần gũi, ba việc viên thông gọi là chứng viên giác.

Bốn là so sánh hiển rõ thù thắng.

**64. Công đức tu tập pháp môn Viên giác:**

Này người thiện nam! Nếu có người tu hành Thánh đạo, giáo hóa thành tựu trăm ngàn muôn ức vị A-la-hán, Bích-chi-phật, không bằng có người nghe, pháp môn viên giác vô ngại này trong một sát-na thuận theo tu tập, ban đầu nêu thấp kém, sau không bằng ở dưới là nói về cao quý. Lại như khuyên được một người, hai người giữ năm giới, mười giới, y theo theo các giáo nói: phước đã rất nhiều, hướng chi giúp ức người như thế thành tựu quả Bích-chi, La-hán, đủ sáu thần thông, tám giải thoát, thoát hẳn mười phiền trong ba cõi, nhưng không bằng có người tam thời tu tập Viên giác trong thời gian rất ngắn chỉ một sát-na, hướng chi viên tu diệu quán trong thời gian lâu dài? Thành thật nói: dấu chân trâu đâu thể so sánh với biển lớn? Nghe văn tuệ, thuận theo tư tuệ, tu tập tu tuệ, trong kệ chỉ có ba, thiếu sự so sánh, các điều khác hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

**65. Đức Phật nói kệ:**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này nên Ngài liền nói kệ rằng:

*Oai đức ông nên biết  
 Tâm Đại giác vô thượng.  
 Bốn tế không hai tướng  
 Tùy theo ở các phương tiện.  
 Số kia tức vô lượng  
 Như lai đều chỉ bày.  
 Tất cả gồm có ba thứ  
 Xa-ma-tha vắng lặng.  
 Như gương soi hình ảnh  
 Tam-ma-đề như huyễn.  
 Như mầm lần lần lớn  
 Thiền-na chỉ vắng lặng.  
 Như chuông trong vật kia  
 Ba pháp môn mẫu nhiệm.  
 Đều thuận theo Viên giác  
 Các Như lai mười phương.*

*Và các Đại Bồ-tát  
Nhờ đây được thành đạo.  
Vì ba việc viên chứng  
Gọi Niết-bàn rốt ráo.  
Trên đây ba quán xong.*

Dưới đây là thứ hai nói về đơn kép tu tập, vẫn có bốn: Trước là phần đầu trong ba phần.

**66. Bồ-tát Biện Âm đẳng lễ Phật:**

Bấy giờ, Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật theo chiều bên phải ba vòng, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: giống như trên. Sau trình bày từ cú, trong đó có hai:

Trước là chúc mừng.

Đại bi Thế Tôn! Pháp môn như thế thật là ít có, rất dễ hiểu.

Hai là thỉnh, sau có hai.

1. *Hỏi pháp tu.*

**67. Thưa hỏi pháp tu tập:**

Bạch Đức Thế Tôn! Các phương tiện này: chỉ cho ba quán ở trước.

Tất cả Bồ-tát đối với pháp môn Viên giác, là chỉ cho bản hạnh sở y ở trước, có bao nhiêu pháp tu tập, trước nói ba quán, tuy hành tướng rõ ràng, nhưng chưa xét pháp tu của các Bồ-tát, lại là một người đủ ba, là ba người đều có một, là trước sau, là đồng thời, là y theo thứ lớp, là vượt thứ lớp?

2. *Nói về việc đã làm.*

Xin vì đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp, chỉ bày phương tiện khiến ngộ thật tướng, rất dễ hiểu, dưới đây là ba lần tuyên bố mô phỏng theo trước.

**68. Đức Phật hứa nói:**

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, thỉnh ba lần như thế, đến cuối thì trở lại đầu. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm rằng: Lành thay, lành thay! Nay người thiện nam! Các ông mới có khả năng vì các đại chúng và chúng sinh đời mạt pháp thưa hỏi Như lai pháp tu tập như thế, nay ông lắng nghe ta sẽ nói cho. Lúc đó, Bồ-tát Biện Âm vui mừng vâng lời cùng các đại chúng im lặng lắng nghe. Chính thức nói, trong Văn xuôi có bốn:

1. *Nêu ý nêu số.*

2. *Quán màn lưới đen xen.*



3. Kết thành chánh nhân.
4. Chỉ bày chung về tu tập.

- Đây là phần đầu:

**69. Trong pháp Viên giác không có tu tập và người tu tập:**

Này người thiện nam! Viên giác thanh tịnh của tất cả Như lai, vốn không có tu tập và người tu tập, nói về gốc sở y.

Tất cả Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương vào huyễn lực chưa giác mà tu tập, chính là nói đại ý các luân, tu mà vô tu, nghĩa đồng với đoạn trước.

Lúc bấy giờ, liền có hai mươi lăm định luân thanh tịnh, luân: là bề gãy nghiêng nát, có khả năng bề gãy hoặc chướng, làm cho chánh trí xoay chuyển, nên gọi là luân.

- Hai quán màn lưới đan xen, trong đó có ba:

- a. Có ba luân đơn tu ba quán.
- b. Có hai mươi một luân, xen nhau ba quán.
- c. Một luân viên tu ba quán.

Xét số đối với hai mươi lăm quán này y theo dụ đều đặt một tên, nay sử dụng hoàn toàn, trong phần đầu có ba:

- Quán lắng đục, dứt đục.

**70. Nói về hai mươi lăm luân:**

Nếu các Bồ-tát, hai mươi lăm luân này đều có nêu ra kết thúc riêng, cũng nên nêu nói từng luân ngộ viên giác thanh tịnh để làm sở y khởi hạnh, vì trước có. sợ văn kinh rườm rà, nên lược bỏ không chép. Lại, hành tướng ba quán, đầu này trước đã giải thích đủ, ở đây chia thành số hai mươi lăm, nên lược nói để hiển bày tướng đơn kép. Vì thế ba quán đều nêu chỉ nói, kết thúc nói đơn, ý hiển rõ không gồm hai thứ khác. Khả năng chưa bao gồm, chẳng coi thường các hạnh khác, chỉ lấy cực tĩn (yên tĩn cùng tột), không gồm việc khác.

Nhờ năng lực yên tĩn, dứt hẳn phiền não, rốt ráo thành tựu. Do năng lực của tâm yên tĩn nên biết thân tâm là không, thoáng nghĩ còn không, thì phiền não đâu có chỗ y cứ? Phiền não không khởi tức là tâm giác, cho nên nói rốt ráo thành tựu.

Chưa rời khỏi chỗ ngồi liền nhập vào Niết-bàn: không rời khỏi chỗ ngồi pháp không, liền vào Niết-bàn vắng lặng.

Bồ-tát này gọi là đơn tu Xa-ma-tha, kết thúc gọi cả hai bao Định tứ đạo quán.

**71. Bồ-tát đơn tu Tam-ma-bát-đề:**

Nếu các Bồ-tát chỉ quán như huyễn là do năng lực Phật, thế giới

biến hóa tác dụng các thứ, thực hành đầy đủ hạnh nhiệm mầu thanh tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không mất ý niệm vắng lặng, và các tĩn tuệ. Bồ-tát này gọi là đơn tu Tam-ma-bát-đề. Bao đĩnh là người làm nghề giết súc vật thời Tấn, mười chín năm dùng một cái dao mổ trâu mũi nhọn dao không mòn, dụ cho Bồ-tát lợi ích chúng sinh tu ứng muôn hạnh, nhân duyên vào đời, trí tuệ không tổn thương, nghĩa khác như trước đã giải thích.

- Quán trình âm xuất ngại: Nghĩa là chất lượng đồ dùng âm thanh dung thông, hễ gõ thì có tiếng vang.

Nếu các Bồ-tát chỉ diệt các huyễn, không giữ tác dụng, dùng các cảnh huyễn không ranh giới khó có thể nghiên cứu cùng tận, nên nói thẳng là diệt, diệt là, dứt ý nghĩ. Tác dụng, làm việc lại ngại thiên tịch, nên nói không thủ, kinh Nhập Phật Cảnh Giới chép: các pháp giống như huyễn, như huyễn không thật có, là các pháp huyễn nên kính lễ Vô sở quán.

Riêng dứt phiền não: riêng là không nhờ các hạnh, chính là nghĩa dứt bật đối đãi.

Phiền não dứt hết liền chứng thật tướng, chỉ tương ứng với tâm linh, phiền não tự không thật có, không thật có chỗ tức là chứng.

#### **72. Bồ-tát đơn tu thiên na:**

Bồ-tát này gọi là đơn tu Thiên-na, kết thúc gọi tên.

Sau đan xen ba quán, mỗi quán dùng một quán làm đầu, gồm hai quán còn lại, đan xen thành bảy, ba bảy nên có hai mươi mốt luân, gồm trước ba đơn và sau một viên, đủ hai mươi lăm nhưng mỗi quán làm đầu, trong bảy đoạn đều có bốn tiết. Ban đầu hai đoạn, hai hai cộng hợp. Kế lại hai đoạn, ba hành thứ lớp, kế có một đoạn trước một sau bằng. Sau có hai đoạn, trước bằng sau một. Nay mỗi quán là trong phần đầu, nhưng khoa dài bảy đoạn, lại duyên mỗi luân để nói về trước sau, mỗi mỗi phải nhắc lại tên quán, nay sợ văn rườm rà nên, mỗi quán chỉ nêu một chữ để nói thứ lớp của nó, nghĩa là trước là tĩn, kế là huyễn, sau là tịch, Tịch và tĩn khác nhau, tĩn là cảnh của Nhị thừa, tịch là cảnh của Phật, lại tĩn là thiên định, tịch là Niết-bàn, trong văn có ba:

1. Bảy luân đầu thì tĩn quán làm đầu, gồm cả huyễn tịch.
2. Bảy luân kế thì huyễn quán làm đầu, gồm cả tĩn tịch
3. Bảy luân sau thì tịch quán làm đầu, gồm cả tĩn huyễn.

Bảy quán trong phần đầu:

1. Quán vận chu kiêm tế, Bồ-tát tu định để xuất trần là vận chu, phát tuệ để giáo hóa chúng sinh là kiêm tế.

Nếu các Bồ-tát trước chọn chí tĩnh: nêu tĩnh quán làm đầu, dùng tâm tĩnh tuệ, từ tĩnh theo dấu vết mà khởi.

Soi chiếu các huyện, liền ở trong đó khởi hạnh Bồ-tát, gồm tu quán huyện, nếu không tĩnh tuệ thì tự nơi huyện hóa, đầu thể chiếu huyện.

Bồ-tát này tên là trước tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kết thúc gọi tên.

**73. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề:**

2. Quán Trạng hải trừng không: biểu sâu thì sóng không lay động, trước tĩnh quán để trở lại dòng, trừng không (hư không trong veo) thì tánh nước trong sáng.

Sau tịch quán để hiển rõ tánh.

**74. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, sau tu thiền-na.**

Nếu các Bồ-tát nhờ tĩnh tuệ nên chứng đến tĩnh tánh, tịch là theo đuối yên tĩnh gồm cả tu tịch, liền dứt phiền não thoát hẳn sinh tử.

Công dụng hai quán là dứt bỏ phiền não là nhân mất, thoát khỏi sinh tử là quả tắng (nhân mất quả tan).

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, sau tu Thiền-na, là kết thúc gọi tên.

3. Thủ la tam mục quán: ba quán đều tu, như ba mắt trên mặt trời Ma-hê-thủ-la.

**75. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề sau tu Thiền-na:**

Nếu các Bồ-tát dùng tịch tĩnh tuệ tĩnh, lại hiện năng lực huyện các thứ biến hóa, độ các chúng sinh, sau dứt phiền não mà nhập vào vắng lặng (sau vắng lặng). Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiền-na, kết thúc tên gọi.

4. Quán Tam điểm tề tu: ba điểm là chữ y của tiếng Phạm. Thành thật ý nói: một người tu cả ba quán, tức gọi là đều, chẳng nói cùng lúc.

**76. Bồ-tát trước Xa-ma-tha, giữa tu Tam-ma-bát-đề:**

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, dứt bỏ phiền não, sau khởi diệu hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, độ các chúng sinh là huyện, phiền não đã hết, ái kiến đã không, nên chỗ khởi hạnh không chỗ nào không tịnh diệu, có thể cởi mở sự trói buộc ấy.

**77. Bồ-tát trước tu Xa-ma-tha, tu Tam-ma-bát-đề thiền na:**

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, giữa tu Thiền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kết thúc gọi năm phẩm chữ đơn song quán, đơn tĩnh quán ở trên như một cái miệng như trên. Sau nói cả hai tịch và huyện,

như hai cái miệng ở dưới, nên nói là đơn song. Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, tâm dứt phiền não, lại độ chúng sinh, tạo ra thế giới, đều gồm huyễn tịch, câu đầu là tịch, hai câu sau là huyễn, trong dứt phiền não, ngoài độ chúng sinh.

Bồ-tát này gọi là trước tu Xa-ma-tha, tu cả Tam-ma-bát-đề, Thiên-na, kết thúc gọi tên.

6. Quán Độc tức song đầu: trong hình vẽ của Bạch Trạch có Sơn tinh đầu như cái trống có hai mặt, trước sau đều thấy, đây dụ cho tĩnh huyễn song chiếu, hai lợi ích đều chuyên chở giống như hai đầu. Đơn tịch quán giống như độc tức (một chân).

#### **78. Tổng kết:**

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực, giúp phát khởi biến hóa, nêu cả tĩnh và huyễn, dùng chí tĩnh lực giúp sức của sự đốc thúc phát sinh biến hóa, để độ chúng sinh. Sau dứt bỏ phiền não, gồm vắng lặng, đủ hai lợi ích trước nên vào trung khác với trước. Trước thì yên tĩnh độc là đầu, sau mới gồm tịch huyễn, ở đây thì tĩnh và huyễn đều là đầu, sau mới đơn kiêm với tịch. Bồ-tát này gọi là tu cả Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiên-na. Kết thúc gọi tên.

7. Quán Quả lạc hoa phu: tức là dùng cây tĩnh định, kết quả trung đạo vắng lặng. Sau nở hoa là lại dùng huyễn quán vào cõi hữu tình, độ các chúng sinh, đều giúp được quả Niết-bàn.

Nếu các Bồ-tát dùng chí tĩnh lực giúp cho vắng lặng (đều diệt) sau khởi tác dụng biến hóa thế giới (gồm huyễn). Bồ-tát này gọi là tu cả Xa-ma-tha, Thiên-na, sau tu Tam-ma-bát-đề. Kế là bảy luân mỗi luân nêu huyễn làm đầu, kế bao gồm hai thứ kia: Một là quán Tiên vũ hậu văn: Sau khi vua Vũ phạt Trụ, đúc các mâu kích làm nông khí (dụng cụ nhà nông). Dụ cho Bồ-tát này trước biến hóa các thứ rồi sau vào tĩnh quán, nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, thuận theo các thứ (nêu huyễn) mà nhận lấy chí tĩnh (rất yên tĩnh) thì Bồ-tát này gọi trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha; Hai là quán công thành thoái chức, Bồ-tát phát tuệ lợi vật tức là công thành, thực tập vắng lặng trong tu gọi là thối chức.

#### **79. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiên-na:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa các cảnh giới (huyễn) mà nhận lấy vắng lặng thì Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Thiên-na; Ba là quán huyễn sư giải thuật.

Trước khởi biến hóa làm pháp thuật, sau trở về thể yên tĩnh vắng lặng cho nên hiểu phép thuật.

**80. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Thiên-na:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa mà làm Phật (huyền) sự an trú vắng lặng (tĩnh) mà dứt phiền não. Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Thiên-na. Bốn là thân long ẩn hải quán: Khởi huyền hóa sinh như rồng thân tuôn mây mưa, trở về thể, nhập yên tĩnh, như ẩn ở biển.

**81. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu thiên sau tu Xa-ma-tha:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, vô ngại tác dụng, dứt các phiền não, an trú chí tĩnh. Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu Thiên-na, sau tu Xa-ma-tha.

Quán năm là Long Thọ thông chân: trước khởi huyền, sau trở về yên tĩnh vắng lặng, như ngài Long Thọ ban đầu làm huyền thuật, rộng giáo hóa người tà, sau tu tập chân thừa tự bước lên quả Thánh.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, tác dụng phương tiện cho đến yên tĩnh vắng lặng, cả hai đều thuận theo đều kiêm tĩnh tịch.

**82. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, giữa tu cả Xa-ma-tha Thiên-na:**

Bồ-tát này gọi là trước tu Tam-ma-bát-đề, tu cả Xa-ma-tha, Thiên-na.

Quán sáu là Thương-na thị tướng: Thương-na-hòa-tu tức là thầy của Ưu-ba-cúc-đa, trước dùng thần lực thị hiện tướng hàng phục đệ tử có tâm kiêu mạn là Cúc-đa, sau đó nhập định quy tịch.

**83. Bồ-tát trước tu Tam-ma-bát-đề, Xa-ma-tha, sau tu Thiên-na:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa khởi các công dụng giúp cho chí tĩnh, sau dứt bỏ phiền não (gồm vắng lặng) Bồ-tát này gọi là tu cả Tam-ma-bát-đề, Xa-ma-tha, sau tu Thiên-na.

Bảy là quán Đại thông yển mặc: Đại thông Như lai trước hóa dụng lợi ích chúng sinh, sau trở về vắng lặng.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa, giúp cho vắng lặng, sau trú thanh tịnh, vô tác tịnh lực, Bồ-tát này gọi là tu cả Tam-ma-bát-đề, Thiên-na, sau tu Xa-ma-tha.

Bảy Luân sau, mỗi luân nêu ra tịch làm đầu.

Kế là gồm hai thứ còn lại:

1. Quán Bảo minh không hải: kinh Phật Đánh chép: đồng vào biển không bảo minh của Như lai, ở đây linh tâm quán, tức là bốn giác minh như bảo minh. Sau tĩnh quán như biển không.

**84. Bồ-tát trước tu thiền, sau tu Xa-ma-tha:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng (tịch) mà khởi chí tĩnh, trụ trong thanh tịnh (gồm tĩnh) thì Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, sau tu Xa-ma-tha.

**85. Trước tu thiền sau tu Tam-ma-bát-đề:**

2. Quán Hư không diệu minh: Linh tâm thể như hư không, khởi hóa tức diệu dụng, nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng mà khởi tác dụng thì đối với tất cả cảnh tịch dụng thuận theo, Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, sau tu Tam-ma-bát-đề.

3. Quán Thuấn-nhã trình thiền: Thuấn-nhã là thần hư không, gặp ánh sáng của mặt trời thì tạm thời hiện như đây trước vắng lặng kể lại yên tĩnh, sau huyễn.

**86. Bồ-tát trước tu thiền giữa tu Xa-ma-tha sau tu Tam-ma-bát-đề:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng, các thứ tự tánh, an trụ trong tĩnh lực mà khởi biến hóa thì Bồ-tát này, gọi là trước tu Thiền-na, giữa tu Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

4. Quán Ấm quang quy định: Đại Ca-diếp trước chứng thể, kể khởi thân thông, sau mới trở về định.

**87. Trước tu thiền giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha:**

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, tự tánh vô tác (vắng lặng) khởi các tác dụng cảnh giới thanh tịnh (huyễn) trở về tĩnh lực (yên tĩnh) thì Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, giữa tu Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha.

5. Đa Bảo trình thông quán: Phật Đa Bảo trước thành đạo chứng như thể (thể như) sau ở trong tháp phát khởi Pháp Hoa, như tĩnh huyễn vô ngại.

**88. Trước tu thiền tu cả Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề:**

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, các thứ thanh tịnh mà trụ tĩnh lực, khởi các biến hóa, gồm cả tĩnh huyễn. Bồ-tát này gọi là trước tu Thiền-na, tu cả Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề.

6. Quán Hạ phương đẳng hóa: tức là sáu muôn số cát sông hằng Bồ-tát trong kinh Pháp Hoa từ phương dưới hiện.

**89. Tu cả thiền na Xa-ma-tha sau tu Tam-ma-bát-đề:**

Nếu các Bồ-tát dùng sức vắng lặng giúp cho chí tĩnh mà khởi biến hóa thì Bồ-tát này gọi là tu cả Thiền-na, Xa-ma-tha, sau tu Tam-ma-bát-đề.

7. Đế tâm hàm biến quán: Báu này bao gồm các vật tượng, đối tức

là biến ứng, ứng trở về không. Như quán Linh tâm thành thì bao gồm đức dụng, ứng duyên khởi huyễn mà lại yên tĩnh.

**90. Tu cả thiên na Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha:**

Nếu các Bồ-tát dùng năng lực vắng lặng, giúp cho biến hóa mà khởi chí tĩnh trong sáng cảnh tuệ, Bồ-tát này gọi là tu cả Thiên-na, Tam-ma-bát-đề, sau tu Xa-ma-tha, sau có một luân viên tu ba quán, đây gọi là như ý viên tu ba quán. Bảo châu như ý chiếu khắp bốn phương, đại trí đốn giác ba quán đều tu.

**91. Nói về viên hợp:**

Nếu các Bồ-tát dùng tuệ Viên giác, xứng viên giác mà phát tuệ. Viên hợp tất cả, viên dung hòa hợp tất cả các thứ sự, lý, tánh, tướng, chân, vọng, sắc, không, nếu thể tướng ứng, ấy là viên hợp. Nghĩa là do viên giác hợp lý, lý tức chẳng phải lý, cho nên hoàn toàn tức sự, lại do hợp giác với sự, sự tức chẳng phải sự, cho nên hoàn toàn tức lý, các tánh tướng... đều đồng với thuyết này. Nghĩa đế Trung đạo bấy giờ hiện ra? Chẳng phải lý chẳng phải sự, cả hai ở trong ngăn hiển, tức lý tức sự, cả hai chiếu rõ trong hiển, ngăn chiếu đồng thời, ấy là viên giác.

Đối với các tánh, nương đây tu tĩnh quán.

Tướng nương đây tu huyễn quán.

Không lia tánh giác, nương đây tu tịch quán.

Khoa chép: Ba quán viên tu. Lại do viên giác hợp với tất cả nên từ thể khởi dụng, tánh tướng không khác tánh giác. Chính là gom dụng về thể. Thể dụng không ngại tịch chiếu đồng thời, chính là tròn đầy Diệu giác vô thượng. Bồ-tát này gọi là viên tu ba thứ lớp tánh thuận theo thanh tịnh. Ba là kết thành chánh nhân.

**92. Tất cả Bồ-tát nên tu hành hai mươi lăm luân:**

Này người thiện nam! Đó gọi là hai mươi lăm luân của Bồ-tát, tất cả Bồ-tát tu hành như thế, có thể thấy, bốn là chỉ chung về tu tập: Nếu các Bồ-tát và chúng sinh đời mạt pháp, nương theo luân này, chỉ bày tu tập thì khi tu hai mươi lăm luân này, ở trong các việc oai nghi phép tắc và phương tiện dụng tâm ba nghiệp sự lý, đầy đủ ý của sự tu tập.

Nên giữ gìn phạm hạnh (giới), vắng lặng (định), suy nghĩ (tuệ), đủ giới, định, tuệ, tâm ở môn quán, tu hành như thế chắc chắn thành Phật.

Cầu xin sám hối trải qua hai mươi một ngày, nghiệp lụy nhiều đời sợ chướng ngại tâm tịnh, sám hối cầu xin phát lộ tội trước, nếu số ngày ít, suy nghĩ không tinh thành, trong hai mươi một ngày đã rõ ràng cầu nguyện, nghĩa của sám hối ở dưới đạo tràng thêm phần thực hành trong đó sẽ giải thích. Trong hai mươi lăm luân, mỗi luân đều có nêu ký hiệu,

viết danh tự văn cú hai mươi lăm luân này, đặt vào trong đạo tràng, lễ niệm chí thành tinh ròng một hạnh. Đốc lòng cầu xin tiện tay kết lấy, nếu tự ưa thích một môn thì tùy theo sự chứa nhóm. Nếu hơn kém khó phân không thể tự quyết định thì nhờ năng lực bậc Thánh bốc thăm xem pháp nào nên tu, phải tiện tay bốc lấy không nên lựa chọn.

Y vào kết thúc chỉ bày liền biết đốn tiệm, nương vào thăm bắt được mà kết luận, mở ra xem đốn tiệm tự biết, không tham pháp quán khác.

Một niệm nghi ngờ hối hận thì liền không thành tựu, lòng hoài nghi ngăn cản thì mất công đức trước, dẫu cho tu lại cũng hơi khó thành tựu. Y theo gốc mà nghiệm lý, quyết ở tại đây. Chẳng phải lơ là, coi thường sự tướng. Trong kệ cũng có bốn, hoàn toàn đồng với Văn xuôi.

### **93. Đức Thế tôn nói kệ:**

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này ngài liền nói kệ rằng:

*Biện Âm ông nên biết  
Tất cả các Bồ-tát.  
Tuệ vô ngại thanh tịnh  
Đều nương thiền định sinh.*

Dạy người tu quán, trước dùng thể sở y làm gốc mà khởi quán hạnh. Văn xuôi nói viên giác thanh tịnh, không năng tu sở tu, tâm nên dùng lý này, tức là nghĩa thiền định.

Cái gọi Xa-ma-tha, Tam-ma-đê, Thiên-na, tu ba pháp đốn tiệm, có hai mươi lăm thứ. Văn xuôi rộng, kệ lược:

*Các Như lai mười phương,  
Người tu hành ba đời.  
Thấy đâu nhờ pháp này,  
Mà được thành Bồ-đề.*

Chính thức kết thúc những việc phải làm.

Chỉ trừ người đốn giác, không thuận theo pháp này.

Để phân biệt những việc chẳng nên làm. Văn xuôi không, kệ có, nay có hai giải thích.

1. Hai câu đầu giải thích thượng căn, nghĩa là chỉ trừ người ngộ giải viên đốn thượng căn, và người không thuận theo tất cả pháp định tướng thì không cần phải nương hai mươi lăm luân và đạo tràng chọn lấy kết thúc... không thuận theo pháp là không chấp tướng, đã không theo tướng tức là theo chân giác, đây là đốn nhập tròn sáng, mọi việc nhìn thấy đều hợp đạo, không thể thêm thắt làm tổn thương lỗ loét. Cho



nên trước biết huyễn liên xa lìa, không thực hành các phương tiện, cho nên trừ.

2. Câu dưới là giải thích tín bất tín hạ cần: nghĩa là không tin gì cả, không nghe mà không thuận theo, như thế thì thượng trí và hạ ngu không thể đời đời. Trước giải thích không theo, không theo pháp điên đảo, ở đây giải thích không theo, không theo chánh pháp.

*Tất cả các Bồ-tát*

*Và chúng sinh đời mạt pháp, Thường nên giữ  
luân này, Thuận theo siêng tu tập, Nương sức  
đại Bi Phật, Không lâu chứng Niết-bàn.*

